



Máy chiếu Hướng dẫn sử dụng

> Số kiểu máy VS18969/VS19041 Tên kiểu máy: X1/X2

## Cảm ơn bạn đã lựa chọn ViewSonic®

Là nhà cung cấp hàng đầu thế giới về các giải pháp trực quan, ViewSonic<sup>®</sup> đã nỗ lực đáp ứng vượt quá những kỳ vọng của thế giới đối với sự phát triển, đổi mới và đơn giản về công nghệ. Tại ViewSonic<sup>®</sup>, chúng tôi tin rằng các sản phẩm của chúng tôi có tiềm năng tạo ra tác động tích cực trên thế giới và chúng tôi tin tưởng rằng sản phẩm ViewSonic<sup>®</sup> mà bạn đã lựa chọn sẽ phục vụ tốt cho nhu cầu bạn.

Một lần nữa xin cảm ơn bạn đã lựa chọn ViewSonic®!

## Biện pháp phòng ngừa an toàn

Hãy đọc **Biện pháp phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bạn bắt đầu sử dụng máy chiếu.

- Lưu giữ sổ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để tham khảo sau.
- Hãy đọc mọi cảnh báo và thực hiện theo mọi hướng dẫn.
- Cho phép khoảng trống tối thiểu 20 inch (50 cm) xung quanh máy chiếu để đảm bảo thông gió thích hợp.
- Đặt máy chiếu ở khu vực thông gió tốt. Không đặt bất cứ vật gì lên máy chiếu vốn sẽ cản trở sự tản nhiệt.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt gồ ghề hoặc thiếu ổn định. Máy chiếu có thể bị rơi đổ, gây thương tích cá nhân hoặc bị hỏng.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Các tia sáng mạnh có thể làm hỏng mắt của bạn.
- Luôn mở cửa trập ống kính hoặc tháo nắp ống kính khi bật đèn chiếu.
- Không chặn ống kính chiếu với bất kỳ vật thể nào khi máy chiếu đang hoạt động vì điều này có thể khiến các vật thể bị nóng và biến dạng hoặc thậm chí gây ra hỏa hoạn.
- Đèn trở nên cực nóng trong quá trình máy chiếu hoạt động. Để máy chiếu nguội khoảng 45 phút trước khi tháo cụm đèn để thay mới.
- Không sử dụng đèn quá thời hạn sử dụng định mức. Việc sử dụng các bóng đèn quá mức vượt khỏi thời hạn sử dụng định mức có thể khiến chúng bị hỏng trong những dịp hiếm hoi.
- Đừng bao giờ thay thế cụm đèn hoặc bất kỳ linh kiện điện tử nào trừ khi rút phích cắm máy chiếu.
- Không được cố tháo rời máy chiếu. Có điện áp cao nguy hiểm bên trong máy chiếu có thể gây tử vong nếu bạn tiếp xúc với các bộ phận dẫn điện.
- Khi di chuyển máy chiếu, cẩn thận không làm rơi hoặc va đập nó vào bất cứ vật gì.
- Không đặt bất kỳ vật thể nặng nào lên máy chiếu hoặc cáp kết nối.
- Không được dựng đứng máy chiếu. Nếu không, máy chiếu có thể bị rơi đổ, gây thương tích cá nhân hoặc làm hỏng máy chiếu.
- Tránh để máy chiếu tiếp xúc với ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc các nguồn nhiệt được duy trì liên tục khác. Không lắp đặt gần bất kỳ nguồn nhiệt nào như thiết bị tản nhiệt, cửa điều nhiệt, bếp lò hoặc thiết bị khác (kể cả bộ khuếch đại) vốn có thể tăng nhiệt độ máy chiếu lên mức nguy hiểm.

- Không đặt chất lỏng gần hoặc trên máy chiếu. Chất lỏng tràn vào máy chiếu có thể khiến nó bị hỏng. Nếu máy chiếu bị ướt, hãy ngắt kết nối khỏi nguồn điện và gọi đến trung tâm bảo hành tại địa phương để bảo hành máy chiếu.
- Khi máy chiếu đang hoạt động, bạn có thể cảm nhận được một ít không khí nóng và mùi thoát ra từ lưới tản nhiệt. Đó là hoạt động bình thường và không bị hỏng.
- Đừng cố bỏ qua các điều khoản an toàn của phích cắm loại phân cực hoặc tiếp đất. Phích cắm phân cực có hai chấu, trong đó có một chấu lớn hơn chấu còn lại. Phích cắm kiểu tiếp đất có hai chấu và một chấu tiếp đất thứ ba. Chấu lớn và chấu thứ ba được cung cấp nhằm đảm bảo an toàn cho bạn. Nếu phích cắm không vừa với ổ cắm điện của bạn, hãy dùng bộ chuyển đổi điện và không được cố ép phích cắm vào ổ cắm.
- Khi cắm vào ổ cắm điện, KHÔNG được tháo chấu tiếp đất. Đảm bảo KHÔNG BAO GIỜ THÁO chấu tiếp đất.
- Bảo vệ dây nguồn khỏi bị giẫm hoặc đè lên, đặc biệt ở phích cắm và điểm dẫn điên ra từ máy chiếu.
- Ở một số quốc gia, điện áp KHÔNG ổn định. Máy chiếu này được thiết kế để hoạt động an toàn trong phạm vi điện áp từ 100 đến 240 vốn AC, nhưng có thể bị hỏng nếu xảy ra sự cố cắt điện hoặc tăng điện áp ± 10 vôn. Ở những khu vực điện áp có thể tăng giảm hoặc bị cắt, bạn nên kết nối máy chiếu qua bộ ổn định nguồn, bộ bảo vệ tăng áp hoặc bộ cấp nguồn liên tục (UPS).
- Nếu phát hiện có khói, tiếng ồn bất thường hoặc mùi lạ, hãy tắt ngay máy chiếu và gọi cho đại lý bán hàng hoặc ViewSonic<sup>®</sup>. Việc tiếp tục sử dụng máy chiếu là rất nguy hiểm.
- Chỉ sử dụng các thiết bị phụ/phụ kiện theo quy định của nhà sản xuất.
- Ngắt kết nối dây nguồn khỏi ổ cắm điện AC nếu máy chiếu không được sử dụng trong một thời gian dài.
- Luôn sử dụng mọi dịch vụ từ nhân viên dịch vụ đủ trình độ.



THẬN TRỌNG: Bức xạ quang tiềm ẩn nguy hiểm được phát ra từ sản phẩm này. Tương tự như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn chằm vào chùm tia sáng máy chiếu, RG2 IEC 62471-5:2015

## Biện pháp phòng ngừa an toàn - Treo trần

Hãy đọc **Biện pháp phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bắt đầu sử dụng máy chiếu.

Nếu bạn muốn treo máy chiếu lên trần, cần phải sử dụng bộ treo máy chiếu phù hợp đồng thời phải lắp ráp sao cho chắc chắn và an toàn.

Nếu sử dụng bộ treo máy chiếu không phù hợp, mức độ an toàn sẽ bị giảm thiểu, máy chiếu có thể bị rơi xuống do lắp ráp không đạt chuẩn, đo đạc sai hoặc chiều dài các vít không đúng.

Bạn có thể mua bộ treo máy chiếu từ nơi mua máy chiếu.

## > Nội dung

Giới thiêu	
• Nôi dung hôp sản phẩm	5
Tổng quan về sản phẩm	
Máy chiếu	6
Điều khiển và chức năng	
Các cổng kết nối	7
Điều Khiển Từ Xa	
Điều khiển và chức năng	
Phạm vi hiệu lực của điều khiển từ xa	9
Thay pin điều khiển từ xa	
Thiết lập ban đầu	
Chọn địa điểm	
Kích thước chiếu	
Ảnh 16:9 trên Màn hình 16:9	
X1	
X2	
Ảnh 16:9 trên Màn hình 4:3	
X1	
X2	
Gắn máy chiếu	
Ngăn chặn sử dụng trái phép	
Sử dụng khe chống trộm	
Sử dụng chức năng mật khẩu	
Đật mật khâu	
Thay doi mặt khau	
Ouên mật khẩu	
Quen mật khảu Quy trình gọi lại mật khẩu	
Khóa các phím điều khiển	
	21
	ZI
Kêt nôi nguôn điện	
Kết nối với nguồn Video/Máy tính	
Kết nối HDMI	
Kết nối USB C	
Kết nối với âm thanh	22

Hoạt động	24
Bật / tắt máy chiếu	24
Khởi động máy chiếu	24
Kích hoạt lần đầu	
Tắt máy chiếu	25
Chọn một nguồn vào	26
Điều chỉnh ảnh chiếu	27
Điều chỉnh chiều cao và góc chiếu của máy chiếu	27
Tinh chỉnh kích cỡ và độ rõ ảnh	27
Sửa Vòm Hình	
Điều chỉnh 4 góc	29
Ấn ảnh	29
Chức năng menu	30
Thao tác menu hiển thị trên màn hình (OSD) chung	
Cây menu hiển thị trên màn hình (OSD)	
Menu HIểN THI	
Menu ÅNH	
Menu QUẢN LÝ NGUỒN	42
Menu CƠ BẢN	45
Menu NÂNG CAO	
Menu HẼ THỐNG	
Menu THÔNG TIN	
Hộ thống thông minh	55
IVIan ninn chu	
I hao tac menu	
Nút thanh điều khiến phương tiện	61
Các định dạng tệp hô trợ	61
Nâng cấp vi chương trình	62
Cài đặt liên quan đến hệ thống	67

Phụ lục	
Thông số kỹ thuật	70
Kích thước máy chiếu	
Biểu đồ thời gian	71
Xử lý sự cố	74
Các vấn đề phổ biến	74
Đèn báo LED	
Bảo trì	
Phòng ngừa chung	
Vê sinh ống kính	
Vê sinh vỏ máy	
Bảo quản máy chiếu	
Miễn trách nhiêm	
Thông tin nguồn sáng	77
Giờ nguồn sáng	
Kéo dài tuổi tho nguồn sáng	
Thông tin quy định và dịch vụ	78
Thông tin quy định và dịch vụ	<b></b>
<b>Thông tin quy định và dịch vụ</b> Thông tin tuân thủ	
<b>Thông tin quy định và dịch vụ</b> Thông tin tuân thủ Tuyên bố tuân thủ FCC Tuyên bố phơi nhiễm bức xa FCC	
<b>Thông tin quy định và dịch vụ</b> Thông tin tuân thủ Tuyên bố tuân thủ FCC Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC Tuyên bố về công nghiệp Canada.	
<b>Thông tin quy định và dịch vụ</b> Thông tin tuân thủ Tuyên bố tuân thủ FCC Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC Tuyên bố về công nghiệp Canada Nội Dung Cảnh Báo IC	<b>78</b> 78 78 79 79 79
Thông tin quy định và dịch vụThông tin tuân thủTuyên bố tuân thủ FCCTuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCCTuyên bố về công nghiệp CanadaNội Dung Cảnh Báo ICNôi Dung Quy Định cấp Quốc Gia	<b>78</b> 78 78 79 79 79 79 79
Thông tin quy định và dịch vụThông tin tuân thủTuyên bố tuân thủ FCCTuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCCTuyên bố về công nghiệp CanadaNội Dung Cảnh Báo ICNội Dung Quy Định cấp Quốc GiaQuy Định Phơi Nhiễm Phóng Xa IC	<b>78</b> 78 78 79 79 79 79 79 79
Thông tin quy định và dịch vụThông tin tuân thủTuyên bố tuân thủ FCCTuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCCTuyên bố về công nghiệp CanadaNội Dung Cảnh Báo ICNội Dung Quy Định cấp Quốc GiaQuy Định Phơi Nhiễm Phóng Xạ ICTuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu	<b>78</b> 78 78 79 79 79 79 79 80 80
Thông tin quy định và dịch vụThông tin tuân thủTuyên bố tuân thủ FCCTuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCCTuyên bố về công nghiệp CanadaNội Dung Cảnh Báo ICNội Dung Quy Định cấp Quốc GiaQuy Định Phơi Nhiễm Phóng Xạ ICTuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu ÂuTuyên bố tuân thủ RoHS2	<b>78</b> 78 78 79 79 79 79 79 80 80 80
Thông tin quy định và dịch vụ Thông tin tuân thủ Tuyên bố tuân thủ FCC	<b>78</b> 78 78 78 79 79 79 79 79 80 80 80 80
Thông tin quy định và dịch vụ Thông tin tuân thủ Tuyên bố tuân thủ FCC Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC Tuyên bố về công nghiệp Canada Nội Dung Cảnh Báo IC Nội Dung Quy Định cấp Quốc Gia Quy Định Phơi Nhiễm Phóng Xạ IC Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu Tuyên bố tuân thủ RoHS2 Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ Thải bỏ sản phẩm khi kết thúc vòng đời sử dụng	<b>78</b> 78 78 79 79 79 79 79 80 80 80 80 81 82
Thông tin quy định và dịch vụ Thông tin tuân thủ Tuyên bố tuân thủ FCC Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC Tuyên bố về công nghiệp Canada Nội Dung Cảnh Báo IC Nội Dung Quy Định cấp Quốc Gia Quy Định Phơi Nhiễm Phóng Xạ IC Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu Tuyên bố tuân thủ RoHS2 Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ Thải bỏ sản phẩm khi kết thúc vòng đời sử dụng	<b>78</b> 78 78 79 79 79 79 79 80 80 80 80 80 81 82 82 83
Thông tin quy định và dịch vụ. Thông tin tuân thủ Tuyên bố tuân thủ FCC. Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC. Tuyên bố về công nghiệp Canada. Nội Dung Cảnh Báo IC. Nội Dung Quy Định cấp Quốc Gia. Quy Định Phơi Nhiễm Phóng Xạ IC. Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu. Tuyên bố tuân thủ RoHS2 Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ. Thải bỏ sản phẩm khi kết thúc vòng đời sử dụng . Thông tin bản quyền. Dịch vụ khách hàng	<b>78</b> 78 78 79 79 79 79 79 80 80 80 80 80 81 82 82 82 83 83
<b>Thông tin quy định và dịch vụ</b> Thông tin tuân thủ         Tuyên bố tuân thủ FCC.         Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC.         Tuyên bố về công nghiệp Canada.         Nội Dung Cảnh Báo IC         Nội Dung Quy Định cấp Quốc Gia.         Quy Định Phơi Nhiễm Phóng Xạ IC.         Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu.         Tuyên bố tuân thủ RoHS2         Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ.         Thải bỏ sản phẩm khi kết thúc vòng đời sử dụng         Thông tin bản quyền.         Dịch vụ khách hàng         Bảo hành hạn chế	<b>78</b> 78 78 79 79 79 79 79 80 80 80 80 80 80 81 82 82 82 82 83 83



### Nội dung hộp sản phẩm







**LƯU Ý:** Dây nguồn và cáp video có trong hộp của bạn có thể thay đổi tùy theo quốc gia của bạn. Vui lòng liên hệ với các nhà bán lại địa phương của bạn để biết thêm thông tin.

## Tổng quan về sản phẩm

#### Máy chiếu



#### Điều khiển và chức năng

Phím	Mô tả
[ <b>(</b> ] Nguồn	Chuyển máy chiếu giữa chế độ chờ và Bật nguồn.
MENU EXIT	<ul> <li>Bật hoặc tắt menu Hiển thị trên màn hình (OSD).</li> <li>Trở lại menu OSD trước đó, thoát và lưu các thiết lập menu.</li> </ul>
	Khi nguồn đầu vào là HỆ THỐNG THÔNG MINH
Trái/Phải/Lên/Xuống	Duyệt qua các mục menu hoặc chuyển đổi qua các tùy chọn có sẵn.
	Khi nguồn đầu vào không phải là HỆ THỐNG THÔNG MINH
	<ul> <li>Sửa thủ công ảnh bị biến dạng do chiếu theo góc.</li> <li>Chọn các mục menu mong muốn và điều chỉnh khi menu Hiển thị trên màn hình (OSD) được kích hoạt.</li> </ul>
SOURCE	<ul> <li>Hiển thị thanh chọn nguồn vào.</li> <li>Hiển thị menu TRỢ GIÚP với một lần nhấn trong 3 giây.</li> </ul>
BLANK	Ẩn ảnh màn hình.
ENTER	Khi nguồn đầu vào là HỆ THỐNG THÔNG MINH
	Xác nhận mục menu đã chọn.
	Khi nguồn đầu vào không phải là HỆ THỐNG THÔNG MINH
	<ul> <li>Hiển thị menu Chỉnh góc.</li> <li>Thực hiện mục menu Hiển thị trên màn hình (OSD) đã chọn</li> </ul>
	khi menu OSD được kích hoạt.
COLOR MODE	Hiển thị thanh chọn chế độ màu.

#### Các cổng kết nối



Cổng	Mô tả					
[1] AUDIO IN	Ổ cắm đầu vào tín hiệu âm thanh.					
[2] AUDIO OUT	ổ cắm đầu ra tín hiệu âm thanh.					
[3] RS-232	Cổng điều khiển RS-232.					
[4] SERVICE	Chỉ dành cho nhân viên dịch vụ.					
[5] HDMI 1, HDMI 2	Cổng HDMI.					
[6] USB-C	Cổng USB Type-C.					
[7] USB A 5V/1A OUT	Cổng USB Type A để cung cấp điện.					

#### Điều Khiển Từ Xa

#### Điều khiển và chức năng



#### Khi nguồn đầu vào là HỆ THỐNG THÔNG MINH

Nút	Mô tả					
<b>ပ်</b> Nguồn	Chuyển giữa chế độ chờ và Bật nguồn.					
$\oplus$	Không khả dụng.					
ф	Hiển thị thanh chọn nguồn.					
*	Hiển thị menu Bluetooth. Chọn các mục menu mong muốn và điều chỉnh.					
◀Trái/ ▶ Phải ▲Lên/ ▼Xuống						
ОК	Xác nhận mục menu đã chọn.					
X.	Bật/tắt menu Hiển thị trên màn hình (OSD) hoặc quay lại menu OSD trước đó.					

Nút	Mô tả
<b>•</b>	Trở về menu trước, menu cài đặt chính hoặc thoát khỏi ứng dụng.
ŵ	Đi tới trang chủ của HỆ THỐNG THÔNG MINH.
⊴+	Tăng âm lượng máy chiếu.
⊴-	Giảm âm lượng máy chiếu.
Ľ	Tắt tiếng hoặc bỏ tắt tiếng âm lượng máy chiếu.
▶11	Phát hoặc tạm dừng phát tệp.
►	Tua nhanh tệp hoặc chuyển đến tệp tiếp theo.
≪	Tua ngược tệp hoặc chuyển đến tệp trước.

#### Khi nguồn đầu vào không phải là HỆ THỐNG THÔNG MINH

Nút	Mô tả						
🕛 Nguồn	Chuyển giữa chế độ chờ và Bật nguồn.						
$\oplus$	Không khả dụng.						
ħ	Hiển thị thanh chọn nguồn.						
*	Không khả dụng.						
◀Trái/ ▶ Phải ▲Lên/ ▼Xuống	<ul> <li>Sửa thủ công ảnh bị biến dạng do chiếu theo góc.</li> <li>Chọn các mục menu mong muốn và điều chỉnh khi menu Hiển thị trên màn hình (OSD) được kích hoạt.</li> </ul>						
ОК	Xác nhận mục menu đã chọn.						
2	Bật/tắt menu Hiển thị trên màn hình (OSD) hoặc quay lại menu OSD trước đó.						

Nút	Mô tả
◆	Thoát và lưu cài đặt menu.
۵	Đi tới trang chủ của HỆ THỐNG THÔNG MINH.
<b>□</b> +	Tăng âm lượng máy chiếu.
⊴-	Giảm âm lượng máy chiếu.
Ĺ×	Tắt tiếng hoặc bỏ tắt tiếng âm lượng máy chiếu.
►II	Không khả dụng.
<b>I</b>	

#### Phạm vi hiệu lực của điều khiển từ xa

Để đảm bảo điều khiển từ xa hoạt động đúng cách, hãy làm theo các bước dưới đây:

- Điều khiển từ xa phải được giữ ở một góc dưới 30° vuông góc với (các) cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại của máy chiếu.
- Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và (các) cảm biến không được vượt quá 8 m (26 ft.)
  - **LƯU Ý:** Tham khảo hình minh họa để biết vị trí của (các) cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR).





#### Thay pin điều khiển từ xa

- Tháo nắp pin ra khỏi mặt sau của điều khiển từ xa bằng cách nhấn vào chỗ đặt ngón tay và trượt xuống.
- 2. Tháo tất cả pin hiện có (nếu cần) và lắp hai pin AAA.

LƯU Ý: Lắp pin đúng cực như được chỉ định.

3. Lắp lại nắp pin bằng cách căn chỉnh nó với đế và đẩy nó trở lại vị trí.



LƯU Ý:

- Tránh để điều khiển từ xa và pin trong môi trường quá nóng hoặc môi trường ẩm ướt.
- Chỉ thay thế bằng loại giống hoặc tương đương được đề xuất bởi nhà sản xuất pin.
- Vứt bỏ pin đã sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và các quy định môi trường địa phương cho khu vực của bạn.
- Nếu pin bị cạn hoặc nếu bạn sẽ không sử dụng điều khiển từ xa trong thời gian dài, hãy tháo pin để tránh làm hỏng điều khiển từ xa.

# Thiết lập ban đầu

Phần này cung cấp hướng dẫn chi tiết để thiết lập máy chiếu của bạn.

## Chọn địa điểm

Sở thích cá nhân và bố cục phòng sẽ quyết định vị trí lắp đặt. Hãy xem xét những điều sau đây:

- Kích cỡ và vị trí của màn hình của bạn.
- Vị trí của một ổ cắm điện phù hợp.
- Vị trí và khoảng cách giữa máy chiếu và các thiết bị khác.

Máy chiếu được thiết kế để lắp đặt ở một trong những vị trí sau:

#### 1. Bàn Phía Trước

Máy chiếu được đặt gần sàn nhà trước màn hình.

#### 2. Trần Phía Trước

Máy chiếu được treo lộn ngược trên trần nhà trước màn hình.

#### 3. Trần Phía Sau

Máy chiếu được treo lộn ngược trên trần nhà sau màn hình.

**LƯU Ý:** Yêu cầu một màn hình chiếu phía sau đặc biệt.

#### 4. Bàn Phía Sau

Máy chiếu được đặt gần sàn nhà sau màn hình.

**LƯU Ý:** Yêu cầu một màn hình chiếu phía sau đặc biệt.

### Kích thước chiếu

LƯU Ý: Xem "Thông số kỹ thuật" trên trang 70 để biết độ phân giải hiển thị nguyên bản của máy chiếu này.

• Ảnh 16:9 trên Màn hình 16:9



(f) = Tâm ống kính

• Ånh 16:9 trên Màn hình 16:9

#### X1

(a) Kích thước (b) Khoảng		cách chiếu		(c) Chiều cao		(d) Bù dọc					
màn hình tối thiểu		hiểu	tối	tối đa		ảnh		tối thiểu		tối đa	
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm
30	762	30	767	39	998	15	374	1	37	4,4	112
60	1524	60	1535	79	1995	29	747	3	75	8,8	224
70	1778	70	1791	92	2328	34	872	3	87	10,3	262
80	2032	81	2046	105	2660	39	996	4	100	11,8	299
90	2286	91	2302	118	2993	44	1121	4	112	13,2	336
100	2540	101	2558	131	3325	49	1245	5	125	14,7	374
110	2794	111	2814	144	3658	54	1370	5	137	16,2	411
120	3048	121	3069	157	3990	59	1494	6	149	17,6	448
130	3302	131	3325	170	4323	64	1619	6	162	19,1	486
140	3556	141	3581	183	4655	69	1743	7	174	20,6	523
150	3810	151	3837	196	4988	74	1868	7	187	22,1	560
200	5080	201	5116	262	6651	98	2491	10	249	29,4	747
250	6350	252	6395	327	8313	123	3113	12	311	36,8	934
300	7620	302	7674	393	9976	147	3736	15	374	44,1	1121

(a) Kícł	a) Kích thước 🛛 (b) Khoảng		cách chiếu		(c) Chiều cao		(d) Bù dọc					
màn	hình	tối t	tối thiểu		tối đa		ảnh		tối thiểu		tối đa	
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	
30	762	18	455	21	546	15	374	1	19	0,7	19	
60	1524	36	909	43	1091	29	747	1	37	1,5	37	
70	1778	42	1061	50	1273	34	872	2	44	1,7	44	
80	2032	48	1213	57	1455	39	996	2	50	2,0	50	
90	2286	54	1364	64	1637	44	1121	2	56	2,2	56	
100	2540	60	1516	72	1819	49	1245	2	62	2,5	62	
110	2794	66	1667	79	2001	54	1370	3	68	2,7	68	
120	3048	72	1819	86	2183	59	1494	3	75	2,9	75	
130	3302	78	1971	93	2365	64	1619	3	81	3,2	81	
140	3556	84	2122	100	2547	69	1743	3	87	3,4	87	
150	3810	90	2274	107	2728	74	1868	4	93	3,7	93	
200	5080	119	3032	143	3638	98	2491	5	125	4,9	125	
250	6350	149	3789	179	4547	123	3113	6	156	6,1	156	
300	7620	179	4547	215	5457	147	3736	7	187	7,4	187	

#### • Ảnh 16:9 trên Màn hình 4:3

#### **X1**

(a) Kích thước		(b) I	(b) Khoảng cách chiếu		hiếu	(c) Chi	iều cao		(d) B	ù dọc		
màn	màn hình tối thiểu		hiểu	tối	tối đa		ảnh		tối thiểu		tối đa	
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	
30	762	28	704	36	916	14	343	1	34	1	34	
60	1524	55	1409	72	1831	27	686	3	69	3	69	
70	1778	65	1643	84	2137	32	800	3	80	3	80	
80	2032	74	1878	96	2442	36	914	4	91	4	91	
90	2286	83	2113	108	2747	41	1029	4	103	4	103	
100	2540	92	2348	120	3052	45	1143	5	114	5	114	
110	2794	102	2583	132	3357	50	1257	5	126	5	126	
120	3048	111	2817	144	3663	54	1372	5	137	5	137	
130	3302	120	3052	156	3968	59	1486	6	149	6	149	
140	3556	129	3287	168	4273	63	1600	6	160	6	160	
150	3810	139	3522	180	4578	68	1715	7	171	7	171	
200	5080	185	4696	240	6104	90	2286	9	229	9	229	
250	6350	231	5870	300	7630	113	2858	11	286	11	286	
300	7620	277	7044	360	9157	135	3429	14	343	14	343	

(a) Kích thước		(b) Khoảng cách chiếu			(c) Chiều cao		(d) Bù dọc				
màn hình		tối thiểu t		tối	ối đa dả		nh tối t		hiểu từ		đa
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm
30	762	16	417	20	501	14	343	1	17	1	17
60	1524	33	835	39	1002	27	686	1	34	1	34
70	1778	38	974	46	1169	32	800	2	40	2	40
80	2032	44	1113	53	1336	36	914	2	46	2	46
90	2286	49	1252	59	1503	41	1029	2	51	2	51
100	2540	55	1391	66	1670	45	1143	2	57	2	57
110	2794	60	1530	72	1837	50	1257	2	63	2	63
120	3048	66	1670	79	2003	54	1372	3	69	3	69
130	3302	71	1809	85	2170	59	1486	3	74	3	74
140	3556	77	1948	92	2337	63	1600	3	80	3	80
150	3810	82	2087	99	2504	68	1715	3	86	3	86
200	5080	110	2783	131	3339	90	2286	5	114	5	114
250	6350	137	3478	164	4174	113	2858	6	143	6	143
300	7620	164	4174	197	5009	135	3429	7	171	7	171

LƯU Ý: Nếu bạn có ý định lắp đặt máy chiếu vĩnh viễn, hãy kiểm tra kích thước chiếu và khoảng cách bằng cách sử dụng máy chiếu thực tế tại chỗ trước khi bạn lắp đặt vĩnh viễn.

## Gắn máy chiếu

**LƯU Ý:** Nếu bạn mua giá đỡ của bên thứ ba, vui lòng sử dụng đúng kích cỡ vít. Kích cỡ vít có thể thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm giá đỡ.

- 1. Để đảm bảo lắp đặt chắc chắn nhất, vui lòng sử dụng giá treo tường hoặc trần ViewSonic<sup>®</sup>.
- 2. Đảm bảo các vít được sử dụng để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
  - Loại vít: M4 x 8
  - Chiều dài vít tối đa: 8 mm



#### LƯU Ý:

- Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.
- Giữ khoảng cách tối thiểu 10 cm giữa trần và mặt dưới máy chiếu.

### Ngăn chặn sử dụng trái phép

Máy chiếu có một số tính năng bảo mật tích hợp để ngăn chặn hành vi trộm cắp, truy cập hoặc vô tình thay đổi cài đặt.

#### Sử dụng khe chống trộm

Để giúp máy chiếu không bị lấy cắp, hãy sử dụng một thiết bị khóa bằng khe chống trộm để cố định máy chiếu vào một vật cố định.

Dưới đây là ví dụ về việc lắp đặt thiết bị khóa bằng khe chống trộm:



**LƯU Ý:** Khe chống trộm cũng có thể được sử dụng làm neo an toàn nếu máy chiếu được gắn lên trần nhà.

#### Sử dụng chức năng mật khẩu

Để giúp ngăn chặn truy cập hoặc sử dụng trái phép, máy chiếu cung cấp tùy chọn bảo mật bằng mật khẩu. Mật khẩu có thể được đặt thông qua Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).

**LƯU Ý:** Ghi lại mật khẩu của bạn và giữ nó ở nơi an toàn.

#### Đặt mật khẩu

- Nhấn MENU hoặc ﷺ để mở Menu OSD và đi đến: HỆ THỐNG > Thiết Lập Bảo Mật và nhấn ENTER/OK.
- 2. Tô sáng Khóa Bật Nguồn và chọn
  Bật bằng cách nhấn ◀ / ►.
- Như hình bên phải, bốn phím mũi tên (▲, ▶, ▼, ◀) đại diện 4 chữ số (1, 2, 3, 4). Nhấn các phím mũi tên để nhập mật khẩu sáu chữ số.



4. Xác nhận mật khẩu mới bằng cách nhập lại mật khẩu mới. Khi đặt xong mật khẩu, Menu OSD sẽ trở về trang Thiết Lập Bảo Mật.

5. Nhấn EXIT hoặc 🔅 để rời khỏi Menu OSD.

LƯU Ý: Khi đặt xong, phải nhập đúng mật khẩu mỗi lần khởi động máy chiếu.

#### Thay đổi mật khẩu

- Nhấn MENU hoặc 🔅 để mở Menu OSD và đi đến: HỆ THỐNG > Thiết Lập Bảo Mật > Đổi mật khẩu.
- 2. Nhấn ENTER/OK, thông báo "NHẬP MẬT KHẨU HIỆN TẠI" sẽ xuất hiện.
- **3.** Nhập mật khẩu cũ.
  - » Nếu mật khẩu là chính xác, thông báo "NHẬP MẬT KHẨU MỚI" sẽ xuất hiện.
  - » Nếu mật khẩu không chính xác, một thông báo lỗi mật khẩu sẽ xuất hiện trong 5 giây sau đó là thông báo "NHẬP MẬT KHẨU HIỆN TẠI". Bạn có thể thử lại hoặc nhấn EXIT hoặc 🔅 để hủy bỏ.
- 4. Nhập mật khẩu mới.
- 5. Xác nhận mật khẩu mới bằng cách nhập lại mật khẩu mới.
- 6. Để thoát khỏi Menu OSD, nhấn EXIT hoặc 🔅.

LƯU Ý: Các chữ số được nhập sẽ hiển thị dưới dạng dấu hoa thị(\*).

#### Vô hiệu hóa chức năng mật khẩu

- Nhấn MENU hoặc 💱 để mở Menu OSD và đi đến: HỆ THỐNG > Thiết Lập Bảo Mật > Khóa Bật Nguồn.
- 2. Nhấn ◀/ ► để chọn Tắt.
- **3.** Thông báo "NHẬP MẬT KHẨU" sẽ xuất hiện. Nhập mật khẩu hiện tại.
  - » Nếu mật khẩu đúng, Menu OSD sẽ trở về trang Mật khẩu với chữ "Tắt" hiển thị ở dòng Khóa Bật Nguồn.
  - » Nếu mật khẩu không chính xác, một thông báo lỗi mật khẩu sẽ xuất hiện trong 5 giây sau đó là thông báo "NHẬP MẬT KHẨU HIỆN TẠI". Bạn có thể thử lại hoặc nhấn EXIT hoặc 🔅 để hủy bỏ.

LƯU Ý: Hãy giữ mật khẩu cũ, vì bạn sẽ cần nó để kích hoạt lại chức năng mật khẩu.

#### Quên mật khẩu

Nếu chức năng mật khẩu được kích hoạt, bạn sẽ được yêu cầu nhập mật khẩu sáu chữ số mỗi khi bạn bật máy chiếu. Nếu bạn nhập sai mật khẩu, thông báo lỗi mật khẩu, như hình bên phải, sẽ xuất hiện trong 5 giây và theo sau là thông báo "NHẬP MẬT KHẨU".



Bạn có thể thử lại hoặc nếu bạn không nhớ, bạn có thể sử dụng "Quy trình gọi lại mật khẩu".

LƯU Ý: Nếu bạn nhập mật khẩu không chính xác 5 lần liên tiếp, máy chiếu sẽ tự động tắt trong một thời gian ngắn.

#### Quy trình gọi lại mật khẩu

- Khi thông báo "NHẬP MẬT KHẨU HIỆN TẠI" xuất hiện, nhấn và giữ ENTER/OK trong 3 giây. Máy chiếu sẽ hiển thị một số được mã hóa trên màn hình.
- 2. Ghi lại số này và tắt máy chiếu của bạn.
- 3. Tìm kiếm sự hỗ trợ từ trung tâm bảo hành địa phương để giải mã con số. Bạn có thể được yêu cầu cung cấp bằng chứng về giấy tờ mua hàng để xác minh rằng bạn là người được phép sử dụng máy chiếu.



#### Khóa các phím điều khiển

Bằng cách khóa các phím điều khiển trên máy chiếu, bạn có thể ngăn chặn các cài đặt của mình vô tình bị thay đổi (chẳng hạn như trẻ em).

- **LƯU Ý:** Khi **Khóa Phím Bảng Điều Khiển** là Bật, không có phím điều khiển nào trên máy chiếu hoạt động được ngoại trừ **Nguồn**.
- Nhấn MENU hoặc Sử để mở Menu OSD và đi đến: HỆ THỐNG > Khóa Phím Bảng Điều Khiển.
- 2. Nhấn ▲/▼ để chọn Bật.
- 3. Chọn Có và nhấn ENTER/OK để xác nhận.
- **4.** Để mở khóa phím bảng điều khiển, nhấn và giữ ▶ trên máy chiếu trong 3 giây.
  - LƯU Ý: Bạn cũng có thể sử dụng điều khiển từ xa để vào menu HỆ THỐNG > Khóa Phím Bảng Điều Khiển và chọn Tắt.

## > Tạo kết nối

Phần này hướng dẫn bạn cách kết nối máy chiếu với các thiết bị khác.

## Kết nối nguồn điện

- 1. Kết nối dây nguồn vào giắc AC IN ở phía sau máy chiếu.
- 2. Cắm dây nguồn vào ổ điện.



LƯU Ý: Khi lắp đặt máy chiếu, hãy kết hợp một thiết bị ngắt kết nối dễ tiếp cận vào hệ thống dây điện cố định hoặc kết nối phích cắm với một ổ cắm dễ tiếp cận gần thiết bị. Nếu xảy ra lỗi trong quá trình vận hành máy chiếu, hãy sử dụng thiết bị ngắt kết nối để tắt nguồn điện hoặc rút phích cắm điện.

## Kết nối với nguồn Video/Máy tính

#### Kết nối HDMI

Kết nối một đầu dây cáp HDMI với cổng HDMI trên thiết bị video/máy tính của bạn. Sau đó kết nối đầu kia của dây cáp với cổng **HDMI** trên máy chiếu của bạn.

#### Kết nối USB C

Kết nối một đầu dây cáp USB C với cổng USB C trên thiết bị video/máy tính của bạn. Sau đó kết nối đầu kia của dây cáp với cổng **USB C** trên máy chiếu của bạn.

### Kết nối với âm thanh

Máy chiếu được trang bị loa, tuy nhiên, bạn cũng có thể kết nối loa ngoài với cổng **AUDIO OUT** của máy chiếu.

LƯU Ý:

- Điều khiển từ xa và các cài đặt Âm lượng và Tắt tiếng của máy chiếu điều khiển đầu ra âm thanh.
- Cổng AUDIO IN chỉ hoạt động khi tín hiệu đầu vào thuộc chuẩn DVI-D.

Các minh họa kết nối dưới đây chỉ để tham khảo. Các giắc kết nối có trên máy chiếu khác nhau với mỗi kiểu máy chiếu. Một số cáp có thể không đi kèm với máy chiếu. Chúng có sẵn ở các cửa hàng điện tử.





## Hoạt động

## Bật / tắt máy chiếu

### Khởi động máy chiếu

- 1. Nhấn nút Nguồn để bật máy chiếu.
- 2. Nguồn sáng sẽ sáng lên và "Bật/Tắt Nhạc Chuông" sẽ phát.
- 3. Đèn báo nguồn vẫn sáng màu xanh lá khi máy chiếu đang bật.

### LƯU Ý:

- Nếu máy chiếu vẫn còn nóng từ lần sử dụng trước, nó sẽ chạy quạt làm mát trong 90 giây trước khi kích hoạt nguồn sáng.
- Để duy trì tuổi thọ nguồn sáng, một khi bạn bật máy chiếu, hãy đợi ít nhất năm (5) phút trước khi tắt.
- 4. Bật tất cả các thiết bị được kết nối, ví dụ máy tính xách tay, và máy chiếu sẽ bắt đầu tìm kiếm nguồn vào.
  - **LƯU Ý:** Nếu máy chiếu phát hiện nguồn vào, Thanh chọn nguồn sẽ xuất hiện. Nếu nguồn vào không được phát hiện, thông báo "Không có tín hiệu" sẽ xuất hiện.

#### Kích hoạt lần đầu

Nếu máy chiếu được kích hoạt lần đầu, hãy chọn vị trí máy chiếu, cài đặt WiFi và ngôn ngữ OSD theo hướng dẫn trên màn hình.



### Tắt máy chiếu

- 1. Nhấn nút Nguồn hoặc nút Tắt và thông báo xác nhận sẽ xuất hiện để nhắc bạn nhấn nút Nguồn hoặc nút Tắt lần thứ hai. Ngoài ra, bạn có thể nhấn bất kỳ nút nào khác để hủy.
  - LƯU Ý: Nếu bạn không hồi đáp trong vài giây sau lần nhấn đầu tiên, thông báo sẽ biến mất.
- 2. Khi quá trình làm mát kết thúc, một "Bật/Tắt Nhạc Chuông" sẽ phát.
- Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện nếu máy chiếu sẽ không được sử dụng trong một thời gian dài.

#### LƯU Ý:

- Để bảo vệ nguồn sáng, máy chiếu sẽ không phản hồi các lệnh trong quá trình làm mát.
- Không rút dây nguồn trước khi máy chiếu tắt hoàn toàn.

### Chọn một nguồn vào

Máy chiếu có thể được kết nối với nhiều thiết bị cùng một lúc. Tuy nhiên, nó chỉ có thể hiển thị một màn hình toàn bộ một lúc.

Nếu bạn muốn máy chiếu tự động tìm kiếm nguồn vào, hãy đảm bảo chức năng **Tìm Kiếm Tự Động Nhanh** trong menu **HỆ THỐNG** là **Bật**.

LƯU Ý: Nếu không phát hiện nguồn vào, máy chiếu sẽ chuyển sang HỆ THỐNG THÔNG MINH.



Để chọn thủ công nguồn vào, hãy làm như sau:

- 1. Nhấn SOURCE hoặc 🛧 và một menu chọn nguồn sẽ xuất hiện.
- 2. Nhấn ▲/▼ cho đến khi tín hiệu mong muốn của bạn được chọn và nhấn ENTER/OK.
- 3. Sau khi được phát hiện, thông tin nguồn được chọn sẽ được hiển thị trên màn hình trong vài giây.
  - **LƯU Ý:** Nếu có nhiều thiết bị được kết nối với máy chiếu, lặp lại các bước 1-2 để tìm kiếm một nguồn khác.

## Điều chỉnh ảnh chiếu

#### Điều chỉnh chiều cao và góc chiếu của máy chiếu

Máy chiếu được trang bị một (1) chân điều chỉnh. Điều chỉnh chân sẽ thay đổi chiều cao của máy chiếu và góc chiếu dọc. Điều chỉnh chân cẩn thận để tinh chỉnh vị trí của ảnh chiếu.



#### Tinh chỉnh kích cỡ và độ rõ ảnh

Để điều chỉnh ảnh chiếu tới kích cỡ bạn cần, hãy xoay Vòng thu phóng.



Để cải thiện độ rõ của ảnh, hãy xoay Vòng lấy nét.





#### Sửa Vòm Hình

Vòm hình là tình trạng hình chiếu trở thành hình thang do chiếu theo góc. Để sửa hiện tượng này, ngoài việc điều chỉnh chiều cao của máy chiếu, bạn cũng có thể:

- Sử dụng phím ◀ Trái / ▶ Phải /▲ Lên / ▼ Xuống trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để hiển thị trang vòm hình (khi nguồn đầu vào không phải HỆ THỐNG THÔNG MINH).
- 2. Sau khi trang vòm hình được hiển thị, nhấn ▼ Xuống để sửa vòm hình ở phần trên của ảnh. Nhấn ▲ Lên để sửa vòm hình ở phần dưới của ảnh. Nhấn ▲ Cân để sửa vòm hình ở phần dưới của ảnh. Nhấn ▶ Phải để sửa vòm hình ở phía bên phải của ảnh. Nhấn ◀ Trái để sửa vòm hình ở phía bên trái của ảnh.





#### Điều chỉnh 4 góc

Bạn có thể điều chỉnh thủ công hình dạng và kích cỡ hình ảnh có hình chữ nhật không đều ở tất cả các bên.

- Để hiển thị trang Chỉnh góc, thực hiện một trong các bước sau:
  - Nhấn ENTER/OK.
  - Mở menu OSD và đi đến menu HIểN THỊ > Chỉnh góc và nhấn Enter. Trang Chỉnh góc được hiển thị.
- Sử dụng ▲/▼/ ◀ / ▶ để chọn góc muốn điều chỉnh và nhấn ENTER/OK.
- **3.** Sử dụng ◀ / ▶ để chọn phương pháp điều chỉnh phù hợp với nhu cầu và nhấn ENTER/OK.
- 4. Theo chỉ định trên màn hình (▲/▼ để điều chỉnh góc 45 độ và ▲/▼/ ◀/ ▶ để điều chỉnh góc 90 độ), nhấn ▲/▼/ ◀/ ▶ để điều chỉnh hình dạng và kích thước của nó. Bạn có thể nhấn Exit hoặc 🔅 để quay lại bước trước. Nhấn và giữ trong 2 giây trên ENTER/OK sẽ đặt lại các cài đặt ở góc mà bạn đã chọn.

 Chinh góc

 Enter

 Enter
 Enter

 United State
 Enter

 Nhấn [Menu/Thoát] để lưu hoặc thoát.
 Giữ [Vào] trong 2 giây để đặt lại.

 Siữ [Vào] trong 2 giây để đặt lại.
 Enter

 Ichinh góc] sẽ được đặt lại nếu điều chỉnh [Vịm tính].



Chỉ định góc bạn đã chọn.

LƯU Ý:

- Điều chỉnh vòm hình sẽ thiết lập lại cài đặt Chỉnh góc.
- Sau khi cài đặt Chỉnh góc đã được sửa đổi, sẽ không sử dụng được một số tỷ lệ khung hình hoặc thời điểm. Trong trường hợp đó, đặt lại cài đặt trên cả 4 góc.

## Ẩn ảnh

Để khán giả chú ý hoàn toàn đến người thuyết trình, bạn có thể nhấn **BLANK** trên máy chiếu để ẩn hình ảnh màn hình. Nhấn bất kỳ phím nào trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để khôi phục lại ảnh.

**THẬN TRỌNG:** Không chặn ống kính chiếu vì điều này có thể khiến vật dùng để chặn nóng lên và biến dạng hoặc thậm chí gây ra hỏa hoạn.

## > Chức năng menu

Phần này sẽ giới thiệu Menu Hiển thị trên màn hình (OSD) và các tùy chọn của nó.

### Thao tác menu hiển thị trên màn hình (OSD) chung

LƯU Ý: Ảnh chụp màn hình OSD trong hướng dẫn này chỉ để tham khảo, và có thể khác với thiết kế thực tế. Một số cài đặt OSD sau đây có thể không có sẵn. Hãy tham khảo OSD thực tế của máy chiếu.

Máy chiếu được trang bị một Menu Hiển thị trên màn hình (OSD) để thực hiện các điều chỉnh khác nhau. Bạn có thể truy cập menu bằng cách nhấn **MENU** hoặc 🔅 trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.

ViewSonic						
<b>E</b>	Ø	Ĩ	الاقم HIËN THI	÷	Y	Ĵ
Tỷ Lệ Vòm h Chỉnh Thu pi	Khung Hình ình góc 1óna			Tự độn	g	
Quét c 3X Fa	juá st Input			Tắt		
🕀 Không C	có Tín Hiệu					Thoát : 🕁

- 1. Nhấn ◀/▶ để chọn một menu chính. Sau đó nhấn ENTER/OK hoặc sử dụng
   ▲/▼ để vào danh sách menu phụ.
- 2. Nhấn ▲/▼ để chọn tùy chọn của menu. Sau đó nhấn ENTER/OK để hiển thị menu phụ của nó, hoặc nhấn ◀/▶ để điều chỉnh/chọn cài đặt.
  - LƯU Ý: Một số tùy chọn của menu phụ có thể có một menu phụ khác. Để vào menu phụ tương ứng, nhấn ENTER/OK. Sử dụng ▲/▼ hoặc ◀/▶ để điều chỉnh/ chọn cài đặt.

## Cây menu hiển thị trên màn hình (OSD)

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu	
HIỂN THỊ	Tỷ Lệ Khung Hình	Tự động	
		4:3	
		16:9	
		16:10	
		2,35:1	
		Nguyên bản	
	Vòm hình	Vòm Hình V Tự Động	Tắt/Bật
		Dọc	+40~-40
		Ngang	+40~-40
	Chỉnh góc	Trên cùng-Phải	
		Trên cùng-Trái	
		Dưới cùng-Phải	
		Dưới cùng-Trái	
	Thu phóng	0,8X~2,0X	
	Quét quá	Tắt/1/2/3/4/5	
	3X Fast Input	Không hoạt động	
		Hiện hoạt	

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu			
ÅNH	Chế Độ Màu	Sáng nhất			
		TV			
		Trò chơi			
		Phim			
		Người Dùng 1			
		Người Dùng 2			
	Độ sáng	0~100			
	Độ tương phản	-50~50			
	Nhiệt Độ Màu	9300K/7500K/6500K			
		Tăng Đỏ	0~100		
		Tăng Xanh Lá	0~100		
		Tăng Xanh Trời	0~100		
		Bù Đỏ	-50~+50		
		Bù Xanh Lá	-50~+50		
		Bù Xanh Trời	-50~+50		
	Nâng cao	Màu	-50~50		
		Độnét	0~31		
		Gama	1,8/2,0/2,2/2,35/ 2,5/Cubic/sRGB		
		Quản Lư Màu	Màu cơbản		
			Màu sắc		
			Độbăo hòa		
			Tăng		
	Đặt Lại Thiết Lập Màu	Đặt vềmặc định			
		Hủy			
Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu			
------------	---------------------	--	---		
POWER	Tự động Bật Nguồn	Tín hiệu	Tắt/HDMI		
MANAGEMENT		CEC	Tắt/Bật		
		Bật nguồn trực tiếp	Tắt/Bật		
	Nlượng tminh	Tự Động Tắt Nguồn	Tắt/10 phút/ 20 phút/30 phút		
		Hẹn Giờ Ngủ	Tắt/ 30 phút/1 giờ/ 2 giờ/3 giờ/4 giờ/ 8 giờ/12 giờ		
		Tiết Kiệm Nguồn	Tắt/Bật		
	Thiết Lập Chờ	Truyền Qua Âm Thanh	Tắt/Bật		
CƠ BẢN	Thiết Lập Âm Thanh	Chế độ âm thanh	Âm nhạc/Thoại/Phim		
		Tắt tiếng	Tắt/Bật		
		Âm Lượng Âm Thanh	0~20		
		Bật/Tắt Nhạc Chuông	Tắt/Bật		
	Hẹn Giờ Trình Chiếu	Thời Gian Hẹn Giờ	1~240 m		
		Hiển Thị Hẹn Giờ	Luôn luôn/1 phút/ 2 phút/3 phút/ Không bao giờ		
		Vị Trí Hẹn Giờ	Trên cùng-Trái/ Dưới cùng-Trái/ Trên cùng-Phải/ Dưới cùng-Phải		
		Hướng đếm hẹn giờ	Đếm Ngược/ Đếm Xuôi		
		Nhắc nhở âm thanh	Tắt/Bật		
		Bắt Đầu Đếm/Tắt			
	Mẫu	Tắt			
		Ktra thẻ			
	Hẹn Giờ Trống	Tắt/5 phút/10 phút/15 phút/20 phút/ 25 phút/30 phút			
	Tin nhắn	Tắt			
		Bật			
	Màn Hình Khởi Động	Đen			
		Xanh da trời			
		ViewSonic			

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu	
NÂNG CAO	HDR	HDR	Tự động/SDR
		EOTF	Thấp/Trung Bình/Cao
	Thiết Lập 3D	Định Dạng 3D	Tự động
			Tắt
			Tuần Tự Khung Hình
			Nén Khung Hình
			Trên-Dưới
			Song song
		Đảo Ngược Đồng Bộ3D	Tắt/Đảo Ngược
		Lưu Thiết lập 3D	Có/Không
	Thiết Lập HDMI	Định Dạng HDMI	Tự động/RGB/YUV
		Phạm Vi HDMI	Tự động/ Tăng cường/ Bình thường
	Cài Đặt Nguồn Sáng	Chế Độ Nguồn Sáng	Bình thường/Eco/ Đen Năng Động 1/ Đen Năng Động 2/ Tùy chỉnh
		Điện Nguồn sáng	20%~100%
		Đặt Lại Giờ Nguồn Sáng	Đặt vềmặc định/Hủy
		Thông Tin Giờ Nguồn Sáng	Thời Gian Sử Dụng Nguồn Sáng
			Bình thường
			Eco
			Đen Năng Động 1
			Đen Năng Động 2
			Tùy chỉnh
	Khởi động lại Hệ	Đặt vềmặc định	
	thống thông minh	Hủy	
	Đặt Lại Thiết Lập	Đặt vềmặc định	
		Hủy	

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu	
HỆ THỐNG	Language	Chọn OSD đa ngôn ngữ	
	Vị Trí Máy Chiếu	Bàn Phía Trước	
		Bàn Phía Sau	
		Trần Phía Sau	
		Trần Phía Trước	
	Thiết Lập Menu	Thời Gian Hiển Thị Menu	5 giây/10 giây/ 15 giây/20 giây/ 25 giây/30 giây
		Vị Trí Menu	Giữa/Trên cùng-Trái/ Trên cùng-Phải/ Dưới cùng-Trái/ Dưới cùng-Phải
	Chế Độ Cao Độ Cao	Tắt	
		Bật	
	Tìm Kiếm Tự Động Nhanh	Tắt	
		Bật	
	Thiết Lập Bảo Mật	Đổi mật khẩu	
		Khóa Bật Nguồn	Tắt/Bật
	Khóa Phím Bảng Điều Khiển	Tắt	
		Bật	
	P.pháp điều khiển	RS-232	
		USB	
	Tốc Độ Truyền	2400/4800/9600/14400/ 38400/57600/115200	19200/
THÔNG TIN	Nguồn		
	Chế Độ Màu		
	Độ phân giải		
	Hệ Thống Màu		
	Phiên Bản Vi Chương Trình		
	3X Fast Input		
	S/N		

# Menu HIểN THỊ

- 1. Nhấn nút MENU hoặc 🗱 để hiển thị Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
- 2. Nhấn ◀/▶ để chọn menu HIểN THỊ. Sau đó nhấn ENTER/OK hoặc sử dụng ▲/▼ để truy cập menu HIểN THỊ.

ViewSon	nic						
	2	Ø	ſ	لالي HIĘN LHİ	£ <del>;</del> ;}	Y	<u>i</u>
Tỷ L Vòn Chỉi Thu	₋ệ Khu n hình nh góc i phóni	ung Hình : a			Tự độn	g	
Quế 3X I	et quá Fast Ir	nput			Tắt		
⊕ Khôn	g Có Ti	ín Hiệu					Thoát : 🛨

- 3. Nhấn ▲/▼ để chọn tùy chọn của menu. Sau đó nhấn ENTER/OK để hiển thị menu phụ của nó, hoặc nhấn ◀/▶ để điều chỉnh/chọn cài đặt.
  - LƯU Ý: Một số tùy chọn của menu phụ có thể có một menu phụ khác. Để vào menu phụ tương ứng, nhấn ENTER/OK. Sử dụng ▲/▼ hoặc ◀/▶ để điều chỉnh/ chọn cài đặt.

Tùy chọn menu	Mô tả
Tỷ Lệ Khung Hình	<ul> <li><u>Tự động</u></li> <li>Cân chỉnh hình ảnh theo tỷ lệ để phù hợp với độ phân giải nguyên bản của máy chiếu theo chiều rộng ngang của nó.</li> <li>Điều này phù hợp với hình ảnh đến không theo tỷ lệ 4:3 hay 16:9 và bạn muốn tận dụng tối đa màn hình mà không làm thay đổi tỷ lệ khung hình của ảnh.</li> <li><u>4:3</u></li> <li>Cân chỉnh hình ảnh để nó được hiển thị ở chính giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 4:3. Điều này phù hợp nhất cho hình ảnh 4:3 như màn hình máy tính, TV độ nét tiêu chuẩn và phim DVD tỷ lệ 4:3, vì nó hiển thị chúng mà không thay đổi tỷ lệ.</li> </ul>
	<u>16:9</u> Cân chỉnh hình ảnh để nó được hiển thị ở chính giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:9. Điều này phù hợp nhất cho những hình ảnh vốn có tỷ lệ 16:9, như TV độ nét cao, vì nó hiển thị chúng mà không thay đổi tỷ lệ.
	<u>16:10</u> Cân chỉnh hình ảnh để nó được hiển thị ở chính giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:10. Điều này phù hợp nhất cho những hình ảnh vốn có tỷ lệ 16:10 vì nó hiển thị chúng mà không thay đổi tỷ lệ.
	<u>2,35:1</u> Cân chỉnh hình ảnh để nó được hiển thị ở chính giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 2,35:1 mà không thay đổi tỷ lệ.
	<u>Nguyên bản</u> Chiếu một hình ảnh như độ phân giải gốc của nó và thay đổi kích thước để phù hợp với khu vực hiển thị. Đối với tín hiệu đầu vào có độ phân giải thấp hơn, ảnh chiếu sẽ được hiển thị với kích thước gốc.
Vòm hình	Điều chỉnh tình trạng vòm hình khi hình chiếu trở thành hình thang do chiếu theo góc.
Chỉnh góc	Điều chỉnh hình dạng và kích cỡ hình ảnh có hình chữ nhật không đều ở trên tất cả các bên.
Thu phóng	Phóng to ảnh chiếu và cho phép bạn dịch chuyển ảnh.
Quét quá	Điều chỉnh tỷ lệ quét quá từ 0 đến 5.

Tùy chọn menu	Mô tả
3X Fast Input	<ul> <li>Chức năng này có lợi cho việc giảm tốc độ khung hình. Thời gian đáp ứng nhanh trong thời gian nguyên bản có thể đạt được. Khi được bật, những cài đặt sau đây (nếu có) sẽ trở về giá trị cài đặt sẵn của nhà sản xuất: Tỷ Lệ Khung Hình, Thu phóng, Quét quá.</li> <li>LƯU Ý: Chức năng này chỉ khả dụng khi một tín hiệu đầu vào thời gian nguyên bản được chọn.</li> </ul>

## Menu **ÅNH**

- 1. Nhấn nút MENU hoặc 🗱 để hiển thị Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
- 2. Nhấn ◀/▶ để chọn menu ẢNH. Sau đó nhấn ENTER/OK hoặc sử dụng ▲/▼ để truy cập menu ẢNH.

ViewSonic						
÷.	3	Ĩ	۲ ÅNH	۲ <u>۲</u>	Y	ů.
Chế Độ Màu Độ sáng Đô tự qua phản				тν		
Nhiệt Độ Màu Nâng cao Đặt Lại Thiết Lập Màu				9300K		
🕂 Không Ci	ó Tín Hiệu					Thoát : 🛨

- 3. Nhấn ▲/▼ để chọn tùy chọn của menu. Sau đó nhấn ENTER/OK để hiển thị menu phụ của nó, hoặc nhấn ◀/▶ để điều chỉnh/chọn cài đặt.
  - LƯU Ý: Một số tùy chọn của menu phụ có thể có một menu phụ khác. Để vào menu phụ tương ứng, nhấn ENTER/OK. Sử dụng ▲/▼ hoặc ◀/▶ để điều chỉnh/ chọn cài đặt.

Tùy chọn menu	Mô tả
Chế Độ Màu	<ul> <li><u>Sáng nhất</u></li> <li>Tối đa hóa độ sáng của ảnh chiếu. Chế độ này phù hợp với những môi trường cần độ sáng cao hơn, chẳng hạn như sử dụng máy chiếu trong phòng có ánh sáng tốt.</li> <li><u>TV</u></li> <li>Tối ưu hóa để xem thể thao trong môi trường có ánh sáng tốt.</li> <li><u>Trò chơi</u></li> </ul>
	Thích hợp để chơi trò chơi video trong phòng khách sáng. <u>Phim</u> Để phát phim, video clip nhiều màu sắc từ máy ảnh kỹ thuật số hoặc DV thông qua đầu vào PC để xem tốt nhất trong môi trường tối (ít ánh sáng). Người Dùng 1/Người Dùng 2
	Gọi lại các cài đặt tùy chỉnh. Sau khi Người Dùng 1/Người Dùng 2 được chọn, một số menu phụ bên dưới menu <b>ẢNH</b> có thể được điều chỉnh, theo nguồn vào đã chọn của bạn.
Độ sáng	Giá trị càng cao, ảnh càng sáng. Điều chỉnh tùy chọn này để các vùng màu đen của ảnh trông có vẻ đen và các chi tiết trong vùng tối trở nên rõ hơn.
Độ tương phản	Sử dụng tùy chọn này đặt mức màu trắng cao nhất sau khi bạn đã điều chỉnh cài đặt Độ sáng trước đó.
Nhiệt Độ Màu	Có sẵn một số cài đặt nhiệt độ màu cài sẵn ( <u>9300K</u> , <u>7500K</u> , <u>6500K</u> ). Các cài đặt sẵn này khác nhau theo tùy chọn cá nhân.
	Để đặt nhiệt độ màu tùy chỉnh, bạn có thể điều chỉnh thêm các mục sau:
	<u>Tăng Đỏ/Tăng Xanh Lá/Tăng Xanh Trời</u> Điều chỉnh các mức độ tương phản của Đỏ, Xanh lục và Xanh da trời.
	<u>Bù Đỏ/Bù Xanh Lá/Bù Xanh Trời</u> Điều chỉnh các mức độ sáng của Đỏ, Xanh lục và Xanh da trời.

Tùy chọn menu	Mô tả
Nâng cao	<u>Màu</u> Cài đặt thấp hơn tạo ra màu sắc bão hòa ít hơn. Nếu cài đặt quá cao, màu sắc sẽ lấn át và có thể không giống thật.
	<u>Đọnet</u> Giá trị cao hơn sẽ làm sắc nét hình ảnh, trong khi giá trị thấp hơn sẽ làm mềm hình ảnh.
	<u>Gama</u> Gamma nghĩa là độ sáng của các mức thang độ xám của máy chiếu.
	Quản Lư Màu Chỉ trong những trường hợp lắp đặt cố định với mức độ chiếu sáng được kiểm soát như phòng họp, giảng đường hoặc rạp hát tại nhà thì mới cần cân nhắc quản lý màu. Quản lý màu cung cấp sự tinh chỉnh kiểm soát màu để tái tạo màu chính xác hơn. Chọn Màu cơbản trước tiên và điều chỉnh phạm vi / giá trị của nó trong Màu sắc, Độbăo hòa và Tăng.
Đặt Lại Thiết Lập Màu	Đưa các cài đặt ảnh hiện tại trở về các giá trị cài đặt sẵn của nhà sản xuất.

# Menu QUẢN LÝ NGUỒN

- 1. Nhấn nút MENU hoặc 🗱 để hiển thị Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
- 2. Nhấn ◀/▶ để chọn menu QUẢN LÝ NGUỒN. Sau đó nhấn ENTER/OK hoặc sử
  - dụng ▲/▼ để truy cập menu QUẢN LÝ NGUỒN.

View	Sonic						
	<b>(</b>	Ø	QUẢ	岱 N LÝ NG	∰ UÔN	Y	<u>.</u>
	Tự động Nlượng tr Thiết Lập	Bật Nguồ minh o Chờ	'n				
<b>ب</b>	Không Có T	În Hiệu					Thoát : 📥

- 3. Nhấn ▲/▼ để chọn tùy chọn của menu. Sau đó nhấn ENTER/OK để hiển thị menu phụ của nó, hoặc nhấn ◀/▶ để điều chỉnh/chọn cài đặt.
  - LƯU Ý: Một số tùy chọn của menu phụ có thể có một menu phụ khác. Để vào menu phụ tương ứng, nhấn ENTER/OK. Sử dụng ▲/▼ hoặc ◀/▶ để điều chỉnh/ chọn cài đặt.

Tùy chọn menu	Mô tả
Tự động Bật Nguồn	<u>Tín hiệu</u> Lựa chọn HDMI cho phép máy chiếu tự động bật sau khi tín hiệu HDMI/USB C được truyền qua cáp HDMI/USB C. CEC
	Máy chiếu này hỗ trợ chức năng CEC (Điều khiển điện tử tiêu dùng) cho hoạt động bật / tắt nguồn được đồng bộ hóa thông qua kết nối HDMI. Nghĩa là, nếu một thiết bị cũng hỗ trợ chức năng CEC được kết nối với đầu vào HDMI của máy chiếu, khi tắt nguồn máy chiếu, nguồn của thiết bị được kết nối cũng sẽ tự động tắt. Khi nguồn của thiết bị được kết nối bật, nguồn của máy chiếu sẽ tự động bật. <b>LƯU Ý:</b>
	<ul> <li>Để chức năng CEC hoạt động chính xác, hãy đảm bảo rằng thiết bị được kết nối chính xác với đầu vào HDMI của máy chiếu qua cáp HDMI và chức năng CEC của nó được bật.</li> </ul>
	<ul> <li>Tuy thuộc vào thiết bị được kết nói, chức năng CEC có thể không hoạt động.</li> </ul>
	<u>Bật nguồn trực tiếp</u> Cho phép máy chiếu tự động bật khi nguồn được cấp qua dây nguồn.
Nlượng tminh	<u>Tự Động Tắt Nguồn</u> Cho phép máy chiếu tự động tắt sau một khoảng thời gian đã đặt khi không phát hiện ra nguồn vào nhằm tránh lãng phí tuổi thọ nguồn sáng không cần thiết. Hẹn Giờ Ngủ
	Cho phép máy chiếu tự động tắt sau một khoảng thời gian đã đặt nhằm tránh lãng phí tuổi thọ nguồn sáng không cần thiết.
	<u>Tiết Kiệm Nguồn</u> Giảm mức tiêu thụ điện nếu không phát hiện ra nguồn vào. Khi Bật được chọn, chế độ nguồn sáng máy chiếu sẽ thay đổi thành chế độ Eco sau khi không phát hiện thấy tín hiệu nào trong năm (5) phút. Điều này cũng sẽ giúp tránh lãng phí tuổi thọ nguồn sáng không cần thiết.

Tùy chọn menu	Mô tả
Thiết Lập Chờ	Các chức năng dưới đây khả dụng ở chế độ chờ (cắm nhưng không bật). <u>Truyền Qua Âm Thanh</u> Khi chọn Bật, máy chiếu sẽ xuất ra tín hiệu âm thanh khi các giắc cắm AUDIO IN và AUDIO OUT được kết nối đúng cách với một thiết bị thích hợp.

# Menu CƠ BẢN

- 1. Nhấn nút MENU hoặc 🗱 để hiển thị Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
- 2. Nhấn ◀/▶ để chọn menu CƠ BẢN. Sau đó nhấn ENTER/OK hoặc sử dụng ▲/▼ để truy cập menu CƠ BẢN.

View	Sonic						
		©	()¢	CƠ BẢN	£ <del>;</del> ;}	Y	
	Thiế t Lập Hẹn Giờ ⊺	⊃Âm Thai Frình Chiế	nh Su		<b>-</b> 4.		
	Mâu Hon Ciờ 1	Frána			lāt Tất		
	Tin nhắn	rong			Bât		
	Màn Hình	ı Khởi Độr	ng		Đẹn		
	Không Có T	ĩn Hiệu					Thoát : 🛨

- 3. Nhấn ▲/▼ để chọn tùy chọn của menu. Sau đó nhấn ENTER/OK để hiển thị menu phụ của nó, hoặc nhấn ◀/▶ để điều chỉnh/chọn cài đặt.
  - LƯU Ý: Một số tùy chọn của menu phụ có thể có một menu phụ khác. Để vào menu phụ tương ứng, nhấn ENTER/OK. Sử dụng ▲/▼ hoặc ◀/▶ để điều chỉnh/ chọn cài đặt.

Tùy chọn menu	Mô tả
Thiết Lập Âm Thanh	<u>Chế độ âm thanh</u> Chọn chế độ âm thanh ưa thích phù hợp với nội dung âm thanh của bạn. Tắt tiếng
	Chọn Bật để tạm thời tắt loa trong của máy chiếu hoặc âm lượng xuất ra từ giắc đầu ra âm thanh.
	<u>Âm Lượng Âm Thanh</u> Điều chỉnh mức âm lượng của loa trong của máy chiếu hoặc âm lượng xuất ra từ giắc đầu ra âm thanh.
	Bật/Tát Nhạc Chuông Bật/tắt nhạc chuông trong quá trình khởi động và tắt.
Hẹn Giờ Trình Chiếu	Hẹn giờ trình chiếu có thể cho biết thời gian trình chiếu trên màn hình để giúp bạn quản lý thời gian tốt hơn khi thuyết trình.
	<u>Thời Gian Hẹn Giờ</u> Đặt khoảng thời gian. Nếu hẹn giờ đã bật, hẹn giờ sẽ khởi động lại bất cứ khi nào Thời Gian Hẹn Giờ được đặt lại.
	Hiển Thị Hẹn Giờ Cho phép bạn quyết định xem bạn có muốn hẹn giờ được hiển thị trên màn hình trong một trong những khoảng thời gian sau hay không:
	<ul> <li>thời gian thuyết trình.</li> <li>3 phút/2 phút/3 phút/: Hiển thị hẹn giờ trên màn</li> </ul>
	<ul> <li>hình trong 1/2/3 phút cuối.</li> <li>» Không bao giờ: Ẩn hẹn giờ trong suốt thời gian thuyết trình.</li> </ul>
	<u>Vị Trí Hẹn Giờ</u> Đặt vị trí hẹn giờ.
	<ul> <li><u>Hướng đếm hẹn giờ</u></li> <li>Đặt chiều đếm mong muốn của bạn giữa:</li> <li>» Đếm Ngược: Giảm từ thời gian đặt trước xuống 0.</li> </ul>
	» Đếm Xuối: Tăng từ 0 đến thời gian đặt trước.
	Nhắc nhở ẩm thành Cho phép bạn quyết định xem bạn có muốn kích hoạt nhắc nhở âm thanh hay không. Khi được bật, một tiếng bíp hai lần sẽ kêu tại 30 giây cuối cùng của đếm ngược / thuận và một tiếng bíp ba lần sẽ kêu khi hết hẹn giờ.
	<u>  Bat Đau Đem/Tat</u>   Chọn Bắt Đầu Đếm để kích hoạt hẹn giờ. Chọn Tắt để hủy nó.

Tùy chọn menu	Mô tả
Mẫu	Giúp điều chỉnh kích thước và lấy nét hình ảnh, đồng thời kiểm tra độ méo trong ảnh chiếu.
Hẹn Giờ Trống	Cho phép máy chiếu tự động trả lại hnh ảnh sau một khoảng thời gian khi không có hành động nào được thực hiện trên màn hnh trống. Để hiển thị màn hình trống, bấm <b>Blank</b> trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa. <b>LƯU Ý:</b> Không chặn ống kính chiếu vì điều này có thể khiến vật dùng để chặn nóng lên và biến dạng hoặc thậm chí gây ra hỏa hoạn.
Tin nhắn	Đặt Bật hoặc Tắt thông báo nhắc.
Màn Hình Khởi Động	Chọn màn hình logo nào sẽ xuất hiện trong quá trình khởi động máy chiếu.

## Menu NÂNG CAO

- 1. Nhấn nút MENU hoặc 🗱 để hiển thị Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
- 2. Nhấn ◀/▶ để chọn menu NÂNG CAO. Sau đó nhấn ENTER/OK hoặc sử dụng
  - ▲/▼ để truy cập menu NÂNG CAO.

Views	Sonic							
	) ()	Ø	П И	[]] ÂNG CA	。 〔 〔	Y	° <u>r</u> j	
	HDR Thiế t Lập Thiế t Lập Cài Đặt N Khởi độn Đặt Lại T	) 3D ) HDMI guồn Sán giại Hệ thi hiế t Lập	g ống thôn	g minh				
Ъ к	(hông Có T	ín Hiệu					Thoát : 🕁	

- 3. Nhấn ▲/▼ để chọn tùy chọn của menu. Sau đó nhấn ENTER/OK để hiển thị menu phụ của nó, hoặc nhấn ◀/▶ để điều chỉnh/chọn cài đặt.
  - LƯU Ý: Một số tùy chọn của menu phụ có thể có một menu phụ khác. Để vào menu phụ tương ứng, nhấn ENTER/OK. Sử dụng ▲/▼ hoặc ◀/▶ để điều chỉnh/ chọn cài đặt.

Tùy chọn menu	Mô tả
HDR	HDR Máy chiếu hỗ trợ nguồn ảnh HDR. Máy có thể tự động phát hiện phạm vi động của nguồn và tối ưu hóa cài đặt gamma và cài đặt màu để tái tạo nội dung trong nhiều điều kiện ánh sáng. Bạn cũng chọn SDR.
	EOTE Máy chiếu có thể tự động điều chỉnh độ sáng của hình ảnh theo nguồn đầu vào. Thông thường, nên dùng cài đặt mặc định "Trung Bình". Nếu độ sáng của hình ảnh chiếu là tối, hãy sử dụng "Thấp". Khi ưu tiên cho thuộc tính sắc độ, hãy sử dụng "Cao".
Thiết Lập 3D	Máy chiếu này có chức năng 3D cho phép bạn thưởng thức phim, video và các sự kiện thể thao 3D một cách chân thực hơn bằng cách thể hiện độ sâu của hình ảnh. Bạn cần đeo một cặp kính 3D để xem hình ảnh 3D. <u>Định Dạng 3D</u> Cài đặt mặc định là Tự động và máy chiếu tự động chọn một định dạng 3D thích hợp khi phát hiện nội dung 3D. Nếu máy chiếu không thể nhận diện định dạng 3D, hãy chon một chế độ 3D
	<ul> <li><u>Đảo Ngược Đồng Bộ3D</u></li> <li>Khi bạn phát hiện ra độ sâu hình ảnh bị đảo ngược, hãy bật chức năng này để khắc phục sự cố.</li> <li><u>Lưu Thiết lập 3D</u></li> <li>Lưu thiết lập 3D hiện tại. Thiết lập 3D sẽ tự động được áp dụng nếu độ phân giải và nguồn vào tương tự được chọn.</li> <li><b>LƯU Ý:</b> Khi chức năng Đồng bộ 3D được bật: <ul> <li>Mức độ sáng của ảnh chiếu sẽ giảm.</li> <li>Không thể điều chỉnh Chế Độ Màu,</li> <li>Chế Độ Nguồn Sáng Thụ phóng và Quét quá</li> </ul> </li> </ul>

Tùy chọn menu	Mô tả
Thiết Lập HDMI	<ul> <li>Định Dạng HDMI</li> <li>Chọn một không gian màu phù hợp theo cài đặt không gian màu của thiết bị đầu ra được kết nối.</li> <li>» Tự động: Đặt máy chiếu để tự động phát hiện cài đặt không gian màu của tín hiệu đầu vào.</li> <li>» RGB: Đặt không gian màu là RGB.</li> <li>» YUV: Đặt không gian màu là YUV.</li> </ul>
	<ul> <li><u>Phạm Vi HDMI</u></li> <li>Chọn một phạm vi màu HDMI phù hợp theo cài đặt phạm vi màu của thiết bị đầu ra được kết nối.</li> <li>» Tự động: Đặt máy chiếu để tự động phát hiện phạm vi HDMI của tín hiệu đầu vào.</li> </ul>
	<ul> <li>» Tang cương: Đạt phạm vi mau HDMI là 0 - 255.</li> <li>» Bình thường: Đặt phạm vi màu HDMI là 16 - 235.</li> </ul>
Cài Đặt Nguồn Sáng	<ul> <li><u>Chế Độ Nguồn Sáng</u></li> <li>» Bình thường: Cung cấp độ sáng nguồn sáng đầy đủ.</li> <li>» Eco: Giảm 20% mức tiêu thụ điện của nguồn sáng và giảm độ sáng để kéo dài tuổi thọ của nguồn sáng và giảm tiếng ồn của quạt.</li> <li>» Đen Năng Động 1: Giảm mức tiêu thụ điện của nguồn sáng lên tới 70% tùy theo mức độ sáng của nội dung.</li> <li>» Đen Năng Động 2: Giảm mức tiêu thụ điện của nguồn sáng lên tới 50% tùy theo mức độ sáng của nội dung.</li> <li>» Tùy chỉnh: Cho phép bạn điều chỉnh điền nguồn sáng.</li> </ul>
	Chỉ có sẵn khi Chế Độ Nguồn Sáng là Tùy chỉnh. <u>Đặt Lại Giờ Nguồn Sáng</u> Đặt lại hẹn giờ nguồn sáng sau khi nguồn sáng mới được lắp. Để thay đổi nguồn sáng, xin vui lòng liên hệ với nhân viên bảo hành được chứng nhận. <u>Thông Tin Giờ Nguồn Sáng</u> » Thời Gian Sử Dụng Nguồn Sáng: Hiển thị số giờ nguồn
Khởi động lại Hệ thống thông minh	sáng đã được sử dụng. Khởi động lại Hệ thống thông minh ngay sau khi chọn Đặt vềmặc định.

Tùy chọn menu	Mô tả
Đặt Lại Thiết Lập	Đưa tất cả cài đặt trở về các giá trị cài đặt sẵn của nhà sản xuất. Khi sử dụng Đặt Lại Thiết Lập, các cài đặt sau đây sẽ vẫn giữ nguyên: Thu phóng, Vòm hình, Language, Vị Trí Máy Chiếu, Chế Độ Cao Độ Cao, Thiết Lập Bảo Mật, P.pháp điều khiển, và Tốc Độ Truyền.

# Menu HỆ THỐNG

- 1. Nhấn nút MENU hoặc 🗱 để hiển thị Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
- 2. Nhấn **I P** để chọn menu HỆ THỐNG. Sau đó nhấn ENTER/OK hoặc sử dụng
  - ▲/▼ để truy cập menu HỆ THỐNG.

ViewSonic		
F R THỐNG	#3 <b>(7</b> )	Î
Language Vị Trí Máy Chiếu Thiết Lập Menu	Tiếng Việt Bàn Phía Trước	
Chế Độ Cao Độ Cao Tìm Kiếm Tự Động Nhanh Thiết Lập Bảo Mật	Tắt Tắt	
Khóa Phím Bảng Điều Khiển P.pháp điều khiển Tốc Độ Truyền	Tắt RS232 115200	
🕣 Không Có Tín Hiệu		Thoát : 🛨

- 3. Nhấn ▲/▼ để chọn tùy chọn của menu. Sau đó nhấn ENTER/OK để hiển thị menu phụ của nó, hoặc nhấn ◀/▶ để điều chỉnh/chọn cài đặt.
  - LƯU Ý: Một số tùy chọn của menu phụ có thể có một menu phụ khác. Để vào menu phụ tương ứng, nhấn ENTER/OK. Sử dụng ▲/▼ hoặc ◀/▶ để điều chỉnh/ chọn cài đặt.

Tùy chọn menu	Mô tả	
Language	Đặt ngôn ngữ cho Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).	
Vị Trí Máy Chiếu	Chọn một vị trí thích hợp cho máy chiếu.	
Thiết Lập Menu	Thời Gian Hiển Thị MenuĐặt khoảng thời gian Menu OSD duy trì hoạt động kể từsau tương tác cuối cùng của bạn.Vị Trí MenuĐặt vị trí của Menu OSD.	
Chế Độ Cao Độ Cao	<ul> <li>Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng Chế độ cao độ cao khi môi trường của bạn ở độ cao từ 1500 m đến 3000 m so với mực nước biển và nhiệt độ môi trường xung quanh là từ 0°C–30°C.</li> <li>LƯU Ý: <ul> <li>Không sử dụng Chế độ cao độ cao nếu môi trường của bạn nằm trong khoảng từ 0 đến 1499 m và nhiệt độ nằm trong khoảng từ 0°C đến 35°C. Nếu được sử dụng, máy chiếu sẽ trở nên quá lạnh.</li> <li>Sử dụng "Chế Độ Cao Độ Cao" có thể gây ra nhiều tiếng ồn hoạt động hơn, vì tốc độ quạt sẽ tăng lên để cải thiện hiệu năng và làm mát.</li> </ul> </li> </ul>	
Tìm Kiếm Tự Động Nhanh	Cho phép máy chiếu tự động tìm kiếm các tín hiệu.	
Thiết Lập Bảo Mật	Xem "Sử dụng chức năng mật khẩu" trên trang 17.	
Khóa Phím Bảng Điều Khiển	Khóa các phím điều khiển trên máy chiếu.	
P.pháp điều khiển	Cho phép bạn chọn một cổng điều khiển ưa thích: thông qua cổng RS-232 hoặc cổng USB (Service).	
Tốc Độ Truyền	Chọn tốc độ truyền giống hệt với máy tính của bạn để bạn có thể kết nối máy chiếu bằng cáp RS-232 phù hợp và điều khiển máy chiếu bằng các lệnh RS-232	

## Menu THÔNG TIN

Nhấn nút MENU hoặc 🔅 để hiển thị Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
 Nhấn ◄/▶ để chọn menu THÔNG TIN và hiện thị nội dung của nó.

View	Sonic							
	÷	©	Э́С тн	(ご) HÔNG TIN	(法) 1	Y	ĺ	
	Nguồn Chế Độ M Độ phân g Hệ Thống	àu iải Màu						
	Phiên Bản 3X Fast In	Vi Chươi Iout	ng Trình		V1.00			
	S/N				W4Q112	234567		
	(hông Có Tí	n Hiệu					Thoát :	₽

Tùy chọn menu	Mô tả
Nguồn	Hiển thị nguồn vào hiện tại.
Chế Độ Màu	Hiển thị chế độ đã chọn trong menu ẢNH.
Độ phân giải	Hiển thị độ phân giải nguyên bản của nguồn vào.
Hệ Thống Màu	Hiển thị định dạng hệ thống đầu vào.
Phiên Bản Vi Chương Trình	Hiển thị phiên bản vi chương trình hiện tại.
3X Fast Input	Hiển thị xem chức năng có được kích hoạt hay không.
S/N	Hiển thị số sê-ri cho máy chiếu này.

# Hệ thống thông minh

Phần này sẽ giới thiệu HỆ THỐNG THÔNG MINH.

#### Màn hình chủ

LƯU Ý: Ảnh chụp màn hình trong hướng dẫn này chỉ để tham khảo, và có thể khác với thiết kế thực tế. Một số cài đặt sau đây có thể không có sẵn. Hãy tham khảo thiết kế thực tế của máy chiếu.

Màn hình chủ được hiển thị khi nguồn vào là **HỆ THỐNG THÔNG MINH.** Để điều hướng Màn hình chủ, bạn chỉ cần sử dụng nút mũi tên. Bạn có thể trở về Màn hình chủ chính vào bất kỳ lúc nào bằng cách nhấn nút 🏠 trên điều khiển từ xa, bất kể bạn đang ở trang nào.



- **1.** Nhấn **◀ / ▶** để chọn một menu chính. Sau đó nhấn **ENTER/OK** hoặc dùng nút **▼** để vào danh sách menu phụ.
- 2. Nhấn ▲ / ▼ / ◀ / ▶ để chọn tùy chọn của menu. Sau đó nhấn ENTER/OK để hiển thị menu phụ của nó, hoặc nhấn ◀ / ▶ để điều chỉnh/chọn cài đặt.
  - LƯU Ý: Một số tùy chọn của menu phụ có thể có một menu phụ khác. Để vào menu phụ tương ứng, nhấn ENTER/OK. Sử dụng ▲/▼ hoặc ◀/▶ để điều chỉnh/ chọn cài đặt.

## Player (Trình phát)

Máy chiếu tự động quét tìm tệp video trong thiết bị lưu trữ ngoài. Khi bạn nhấn vào **Player (Trình phát)**, video đã quét có thể được phát lặp lại.

Một số chức năng sẽ khả dụng khi tô sáng **Player (Trình phát)**. Nhấn ▼ và sau đó sử dụng ◀ / ▶ để chọn.

• Bluetooth

Máy chiếu được trang bị Bluetooth, cho phép người dùng kết nối không dây với thiết bị của họ để phát lại âm thanh.



Để kết nối và ghép đôi thiết bị của bạn:

- 1. Đi đến: Màn hình chủ > Bluetooth.
- 2. Sử dụng ◀ / ▶ để chọn Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth) hoặc
   Bluetooth Pairing (Ghép đôi Bluetooth). Sau đó nhấn ENTER/OK.
- 3. Một ô hội thoại sẽ xuất hiện, chọn Connect (Kết nối) và nhấn ENTER/OK để vào chế độ Bluetooth.
- 4. Bạn sẽ nghe thấy một hiệu ứng âm thanh khi vào chế độ ghép đôi.
- 5. Khi kết nối thành công, bạn sẽ nghe thấy một hiệu ứng âm thanh khác.
  - LƯU Ý: Tên của máy chiếu sẽ được ghi là "ViewSonic Projector" (Máy chiếu ViewSonic). Khi đã ghép đôi, nếu máy chiếu và thiết bị của bạn đều đang bật, chúng sẽ tự động kết nối qua Bluetooth trong chế độ Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth). Khi đã kết nối, xin lưu ý rằng chỉ có những nút () Nguồn, Exit và <sup>●</sup> mới có thể thoát khỏi chế độ Bluetooth.
- 6. Máy chiếu sẽ tìm kiếm những thiết bị Bluetooth ở gần. Chọn thiết bị của bạn từ danh sách và nhấn ENTER/OK.

Bạn cũng có thể kết nối máy chiếu với loa hoặc tai nghe ngoài có hỗ trợ Bluetooth:

- 1. Đi đến: Màn hình chủ > Bluetooth.
- 2. Sử dụng ◀/▶ để chọn Bluetooth Out (Bluetooth ra). Sau đó nhấn ENTER/OK.

ViewSonic 🔛		
$\frown$	ViewSonic	
	KD-49X7500F	
	Realtek Bluetooth	
$\ast$		
$\overline{a}$		
Bluetooth		
out		

LƯU Ý: Khi đã ghép đôi, nếu máy chiếu và thiết bị của bạn đều đang bật, chúng sẽ tự động kết nối qua Bluetooth.

 Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)
 Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình) cung cấp kết nối Wi-Fi 5GHz để người dùng phản chiếu màn hình trên thiết bị cá nhân.



**LƯU Ý:** Đảm bảo rằng thiết bị của bạn đã kết nối cùng một mạng với máy chiếu.

Đối với iOS:

- 1. Vào menu điều khiển thả xuống.
- 2. Chọn biểu tượng "Screen Mirroring" (Phản chiếu màn hình).
- **3.** Chọn "ViewSonic PJ-XXXX".

Đối với Android:

- 1. Tải về, cài đặt và mở ứng dụng "Google Home".
- 2. Kéo để làm mới ứng dụng và chờ 30 giây.
- **3.** Màn hình sẽ hiển thị "ViewSonic PJ-XXXX", chọn mục đó.
  - LƯU Ý: Một số thiết bị Android hỗ trợ "Chiếu màn hình" trực tiếp. Nếu thiết bị của bạn có hỗ trợ, hãy vào tính năng Chiếu màn hình và chọn "ViewSonic PJ-XXX" từ danh sách những thiết bị hiện có. Bạn cũng có thể quét mã QR FAQ và làm thteo các bước để chiếu màn hình trực tiếp thiết bị Android của bạn.
- FileBrowser (Duyệt tệp)
   Bạn có thể duyệt các tệp tại đây.
- Source (Nguồn)

Hiển thị thanh chọn nguồn vào. Bạn có thể đổi nguồn vào.

## My Apps (Ứng dụng của tôi)

Hiển thị những Ứng dụng yêu thích của bạn.

Để gỡ bỏ một ứng dụng khỏi trang My Apps (Ứng dụng của tôi):

 Sau khi vào trang My Apps (Ứng dụng của tôi), tất cả những ứng dụng yêu thích của bạn sẽ được hiển thị.



2. Nhấn và giữ Ứng dụng đã chọn để gỡ bỏ nó.

	匬	Remove		

3. Khi đã gỡ bỏ, ô hội thoại bên dưới sẽ xuất hiện.

< My Apps	Long press remove	e application			
App Stor					
		rei	move success!		

## Application (Ứng dụng)

Truy cập và xem tất cả các ứng dụng bạn đã cài đặt.

Để thêm một ứng dụng vào trang **My Apps (Ứng dụng của tôi)** hoặc gỡ cài đặt ứng dụng đó:

 Sau khi vào trang Application (Ứng dụng), tất cả những ứng dụng của bạn sẽ được hiển thị.

< All APP	Long press APP t	o add to my apps	page			
Accelerate	App Store	Appinstal.	Bluetooth	FileBrows.	Gallery	KehwinM.
	Miracest	MoviePia.	Music	Retwork	ScreenML.	Settings
Storage c.		00 0 <del>7.</del> 168				

2. Nhấn và giữ Ứng dụng đã chọn để thêm vào trang My Apps (Ứng dụng của tôi) hoặc gỡ cài đặt nó.



3. Khi đã thành công, ô hội thoại bên dưới sẽ xuất hiện và ứng dụng sẽ được hiển thị với dấu hoa thị.

< All APP	Long press APP t	o add to my apps	s page			
C Accelerate	App Store	Appinstal.	Bluetooth	FileBrows.	Gallery	KehwinM.
	Miracast	MoviePla.	add success!	Retwork	ScreenML.	Settings
Storage c.		🕖 Ф.К. и в				
	_					

Những ứng dụng đã thêm vào trang **My Apps (Ứng dụng của tôi)** sẽ được hiển thị dưới trang **My Apps (Ứng dụng của tôi)** từ màn hình chính.

Để cài đặt một ứng dụng:

- 1. Từ trang chủ, đi tới Application (Ứng dụng) > App Store.
- 2. Sử dụng phím mũi tên để điều hướng các lựa chọn menu. Khi bạn đã tìm được ứng dụng mong muốn, nhấn OK để nhập chi tiết và chọn nút CÀI ĐẶT để cài đặt ứng dụng.
- **3.** Một thanh tiến trình sẽ hiển thị trong quá trình tải về.
- 4. Sau khi cài đặt ứng dụng, bạn có thể mở, cập nhật hoặc gỡ cài đặt ứng dụng.

LƯU Ý:

- Bạn có thể cài đặt những ứng dụng bên thứ ba bằng tệp .apk trong Quản lý tệp. Tuy nhiên, một số ứng dụng bên thứ ba có thể gặp vấn đề tương thích.
- Những ứng dụng không được tải trước có thể không tương thích hoặc không hoạt động bình thường.

- Một số ứng dụng (bao gồm những ứng dụng tải trước và cài đặt thủ công) có thể yêu cầu sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Một số ứng dụng có thể phân vùng cụ thể.

#### Wallpaper (Hình nền)

Sử dụng ◀/▶ để chọn một hình nền và nhấn ENTER/OK để đặt nó làm hình nền trên Màn hình chủ.

#### Nút thanh điều khiển phương tiện

Nút thanh điều khiển phương tiện sẽ xuất hiện trên màn hình nếu phát tệp nhạc hoặc video.

Vic	Video		nhạc
4	Lùi lại	м	Trước
*	Tua lại		Phát
	Phát	11	Tạm ngừng
11	Tạm ngừng	M	Tiếp tục
*	Tua nhanh		
M	Tiếp tục		
M	Trước		
3D	3D		
•••	Xem thêm		

LƯU Ý: Khi sử dụng thiết bị lưu trữ USB, lưu ý những điều sau:

- » Một số thiết bị USB có thể không tương thích.
- » Nếu bạn sử dụng dây cáp nối dài USB, thiết bị USB có thể không được nhận diện.
- » Bạn có thể gặp phải thời gian tải lâu hơn khi xử lý những tệp lớn.
- » Dữ liệu trên thiết bị lưu trữ USB có thể bị hư hại hoặc mất. Hãy sao lưu những tệp quan trọng trước.

## Các định dạng tệp hỗ trợ

#### Định dạng đa phương tiện

Phần mở rộng	Loại	Mã
.xvid	Video	Xvid, H.264
.avi	Âm thanh	MP3
.mp4		
.m4v	Video	H.264/MPEG-4
.mov		

Phần mở rộng	Loại	Mã
.ts .trp	Video	H.264, MPEG-2
.mts .m2ts	Âm thanh	MP3
yah	Âm thanh	MPEG-1, MPEG-2
dov.	Video	DVD-LPCM
.mpg	Âm thanh	MPEG-1

#### Định dạng Office

	Mục	Các chỉ báo
Chức năng xem tài liệu	doc/docx	Có thể mở và đọc tài liệu định dạng doc/docx
	xls/xlsx	Có thể mở và đọc tài liệu định dạng xls/xlsx
	ppt/pptx	Có thể mở và đọc tài liệu định dạng ppt/pptx
	PDF	Có thể mở và đọc tài liệu định dạng PDF

#### Định dạng ảnh

Định dạng	Loại	Chú thích
ing/inog	JPEG Progressive	Độ phân giải tối đa: 1024 x 768
.lh8\.lhe8	JPEG Baseline	Độ phân giải tối đa: 15360 x 8640
.bmp		Độ phân giải tối đa: 9600 x 6400
.png/.gif		Độ phân giải tối đa: 5120 x 2880

#### Những định dạng thiết bị kết nối ngoài được hỗ trợ

TL:ÁL L:	Định dạ	ng NTFS	Định dại	ng FAT32	ex	FAT
i niet pi	Đọc	Ghi	Đọc	Ghi	Đọc	Ghi
Thẻ nhớ USB	$\checkmark$	$\checkmark$	$\checkmark$	$\checkmark$	$\checkmark$	$\checkmark$
HDD USB	-	-	$\checkmark$	$\checkmark$	-	-

#### LƯU Ý:

- Công cụ định dạng tích hợp sẵn trên Windows 10 chỉ hỗ trợ định dạng FAT32 lên đến 32GB.
- Chỉ có định dạng FAT32 được hỗ trợ để nâng cấp vi chương trình.

#### Nâng cấp vi chương trình

Bạn có thể cập nhật vi chương trình trực tuyến hoặc bằng thiết bị USB và kiểm tra số phiên bản.

LƯU Ý: Không rút dây nguồn, thiết bị USB hoặc ngắt kết nối khỏi Internet trong quá trình cập nhật.

1. Hãy đảm bảo rằng máy chiếu đã kết nối với Internet.

2. Từ trang chủ, đi tới Application (Ứng dụng) > UPDATE (CẬP NHẬT).

to Accelerate		Anglestal	Plustoath	Eleirour	College	Kabujatá
Accelerate	App store		D Billetooti	PileBiows.	Gamery	Ketwinin.
	Miracast	MoviePla.	Music	Network	ScreenML.	Settings
0	~					
Storage c		<b>也</b> 我无语音				

#### Cập nhật vi chương trình trực tuyến

- 1. Đi tới Application (Ứng dụng) > UPDATE (CẬP NHẬT) > Online update (Cập nhật trực tuyến).
  - LƯU Ý: Tự động tải về được bật theo mặc định đối với nâng cấp trực tuyến. Khi được bật, nếu hệ thống phát hiện phiên bản mới hơn, nó sẽ tự động tải về phần mềm trong nền.

Online update	
	Auto download ON Online update
UpdateLocale	
	Update Select

- 2. Chọn Online update (Cập nhật trực tuyến) và nhấn ENTER/OK.
- **3.** Hệ thống sẽ kiểm tra website ViewSonic (OTA) và hiển thị hộp thoại thông báo bên dưới nếu có vi chương trình mới hơn.

1 MOM up data	
Lww update.	
Cancel	Download

4. Sau khi chọn Download (Tải về), một thanh tiến trình sẽ xuất hiện khi quá trình tải về bắt đầu.

1.WW update.		
Cancel	279535KB/652959KB	Pause

5. Khi đạt 100%, thông báo sau sẽ xuất hiện. Chọn Update Right Now (Cập nhật ngay).

1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update. Cancel Update Right Now			
1.WW update.	1.WW update.			
1.WW update.	1.WW update.			
1 WW update.	1.WW update. Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now	1 WW undate		
	Cancel Update Right Now	1.www.update.		
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
	Cancel Update Right Now			
Opened State Distantion	Cancel Update Right Now			
Liancel Undate Right Now	Control Copulate Hight How	Cancel		Lindate Right Now
outor opdate right now		ounoci		opdate hight how

6. Hộp thoại thông báo Start OTA update (Bắt đầu cập nhật OTA) sẽ xuất hiện.



7. Chọn Update (Cập nhật) và máy chiếu sẽ khởi động lại, màn hình sẽ chuyển sang màu đen trong vài phút. Quá trình cập nhật mất khoảng 5 đến 10 phút. Khi hoàn thành, máy chiếu sẽ mất vài phút để khởi động lại.

#### Cập nhật vi chương trình qua thiết bị USB

- Tải về phiên bản vi chương trình mới nhất từ website ViewSonic và sao chép tệp vào một thiết bị USB.
- 2. Cắm thiết bị USB vào máy chiếu.
- 3. Đi tới Application (Ứng dụng) > UPDATE (CẬP NHẬT) > UpdateLocale.
- 4. Nhấp Select (Chọn) và nhấn ENTER/OK.

Update		
Online update		
lindatel eggle	Auto download ON	Online update
opdateLocale		
	Update	Select

**5.** Hệ thống sẽ phát hiện vi chương trình và hiển thị thông tin sau. Chọn tệp vi chương trình.

SanDisk USB drive/stvs2-Viewsonic-ot	a-9.0_20211224.img	

6. Vi chương trình đã chọn sẽ hiện lên. Nhấp vào Update (Cập nhật).

Update	
Online update	
	Auto download ON Online update
UpdateLocale	
stvs2-Viewsonic-ota-9.0_20211224.img	Update Select

 7. Hộp thoại thông báo Local update (Cập nhật cục bộ) sẽ được hiển thị, chọn Update (Cập nhật).



8. Chọn Update (Cập nhật) và máy chiếu sẽ khởi động lại, màn hình sẽ chuyển sang màu đen trong vài phút. Quá trình cập nhật mất khoảng 5 đến 10 phút. Khi hoàn thành, máy chiếu sẽ mất vài phút để khởi động lại.

## Cài đặt liên quan đến hệ thống

Những cài đặt khác có sẵn trên danh sách dưới cùng của Màn hình chủ.

#### Settings (Các tùy chỉnh)

**LƯU Ý:** Một số chức năng có thể không được hỗ trợ. Những cài đặt đó sẽ có màu xám và không hoạt động.

Tùy chọn m	ienu	Mô tả	
Network	Wi-Fi	Thiết lập cài đặt Wifi và trạm	
& internet	Portable hotspot (Trạm phát di động)	phát AP.	
(Mạng &	VPN		
linternetj	Private DNS (DNS riêng)		
Apps & noti	fications (Ứng dụng & thông báo)	Bạn có thể duyệt qua Ứng dụng, đặt quyền và thông báo cho Ứng dụng.	
Storage (Lưu trữ)	Device storage (Bộ nhớ thiết bị)	Bạn có thể kiểm tra trạng thái lưu trữ tại đây.	
Security & location (Bảo mật & vị trí)	Device admin apps (Ứng dụng quản trị thiết bị)		

Tùy chọn menu		Mô tả	
System	About device	IP address (Địa Chỉ IP)	Hiển thị địa chỉ IP của máy chiếu.
(Hệ thống)   (Giới thiệu thiết bị)	(Giới thiệu	Wi-Fi MAC address	Hiển thị địa chỉ MAC Wi-Fi.
	(Địa chỉ MAC Wi-Fi)		
		Bluetooth address	Hiển thị địa chỉ Bluetooth.
		(Địa chi bluetooth)	
		Build number (Số Build)	Hiến thị số phiến bản của hệ thống.
	Languages &	Languages (Các ngôn ngữ)	Bạn có thể đặt ngôn ngữ và
	input	Virtual keyboard	phương thức đầu vào tại đây.
	(Ngon ngư &	(Bàn phím ảo)	
	dau vao)	Physical keyboard	
		(Ban phím vật lý)	
	Date & time	Automatic date&time	Máy chiếu sẽ tự động đồng
	(Ngay & gio)	(Ngay & giữ tự dọng)	internet
		Set Date (Đặt ngày)	Khả dụng khi Automatic
		Set Time (Đặt thời gian)	date&time (Ngày & giờ tự động) đã tắt, Ban có thể đặt
		Set time zone (Đặt múi giờ)	ngày/giờ/múi giờ.
		Automatic 24-hour format	Hiển thị thời gian theo định
		(Định dạng 24 giờ tự động)	dạng 24 giờ.
		Use 24-hour format	Khả dụng khi Automatic
		(Dùng định dạng 24 giờ)	24-hour format (Định dạng
			24 giớ tự dọng) da tat. Khi da
			gian theo định dang 12 giờ
	Reset	Reset Wi-Fi mohile	Ban có thể đặt lại cài đặt mang
	options	&Buletooth (Đặt lại Wi-Fi	ưu tiên Ứng dụng hoặc xóa tất
	, (Tùy chọn	di động & Bluetooth)	cả dữ liệu tại đây.
đặt lại)	đặt lại)	Reset app preferences	
		(Đặt lại ưu tiên ứng dụng)	
		Erase all data (Xóa tất cả	
		dữ liệu) (cài đặt của nhà	
		sán xuât)	
	Update	Online update (Cập nhật	Hay dam bao ràng máy chiếu đã kất pối với Internet
	(Cáh unáh)		
			trong thiết hị LISB và kết nối
			thiết bị với cổng USB A.
# Network (Mang)

Đi thẳng tới trang Wi-Fi trong Settings (Các tùy chỉnh).

# Storage cleaner (Trình dọn dẹp bộnhớ)

Nhấn vào mục này để xóa nhật ký và tệp apk trong bộ nhớ cục bộ và giải phóng không gian lưu trữ cục bộ.

# Accelerator (Bộtăng tốc)

Nhấp vào mục này để chấm dứt các quy trình không phải của hệ thống. Thao tác này có thể được thực hiện khi có nhiều Ứng dụng chạy nền và tốc độ phản hồi của hệ thống chậm.

# > Phụ lục

# Thông số kỹ thuật

Mục	Danh mục	Thông số kỹ thuật	
		X1	X2
Máy chiếu	Loại	0,65" LED	
	Kích cỡ hiển thị	30"~300"	
	Tỷ lệ ném	1,15~1,5 (95"±3%@2,43m)	0,69~0,83 (95"±3%@1,44m)
	ống kính	F = 2,59 – 2,87	F = 2,60 - 2,78
	Thu phóng quang học	1,3x	1,2x
	Loại Nguồn Sáng	RGB LED	
	Hệ thống hiển thị	1-CHIP DMD	
Tín hiệu đầu vào	HDMI	f <sub>h</sub> : 15K~129KHz, f <sub>v</sub> : 23~120Hz, Tỷ lê điểm ảnh: 170MHz,	
Độ phân giải	Nguyên bản	1920 x 1080	
Bộ chuyển đổi điện¹	Điện áp đầu vào	AC 100-240V, 50/60 Hz (công tắc tự động)	
Điều kiện vận	Nhiệt độ	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F) 0% đến 90% (không ngưng tụ)	
hành	Độ ẩm		
	Cao độ	0 đến 1499 m ở 0°C đến 35°C	
		1500 đến 3000 m ở (	)°C đến 30°C
Điều kiện bảo	Nhiệt độ	-20°C đến 60°C (khôr	ng ngưng tụ)
quản	Độ ẩm	0% đến 90% (không r	ngưng tụ)
	Cao độ	0 đến 12200 m ở 30°	С
Kích thước	Vật lý	355 x 121 x 244 mm	355 x 121 x 251 mm
	(Rộng x Cao x Sâu)	(14" x 4,8" x 9,6")	(14" x 4,8" x 9,9")
Trọng lượng	vật lý	3,6 kg (7,94 lb)	
Tiêu thụ điện	Bật²	218 W (Điển hình)	
năng	Tắt	< 0,5W (Chờ)	

<sup>1</sup> Vui lòng sử dụng bộ chuyển đổi điện từ ViewSonic<sup>®</sup> hoặc chỉ từ một nguồn được ủy quyền.
 <sup>2</sup> Điều kiện thử nghiệm tuân theo các tiêu chuẩn EEI.

#### Kích thước máy chiếu





## X2



# Biểu đồ thời gian

HDMI / USB-C				
Tín hiệu	Độ phân giải (chấm)	Tỷ Lệ Khung Hình	Tốc độ làm mới (Hz)	
VGA	640 x 480	04:03	60/70/75/85/120	
SVGA	800 x 600	04:03	60/70/75/85/120	
XGA	1024 x 768	04:03	60/70/75/85/120	
	1152 x 864	04:03	75	
WXGA	1280 x 768	15:09	60	
	1280 x 800	16:10	60/75/85	
	1360 x 768	16:09	60	
	1366 x 768	16:09	60	
Quad-VGA	1280 x 960	04:03	60/85	
SXGA	1280 x 1024	05:04	60/75/85	
SXGA+	1400 x 1050	04:03	60	
WXGA+	1440 x 900	16:10	60	
WSXGA+	1680 x 1050	16:10	60	

HDMI / USB-C				
Tín hiệu	Độ phân giải (chấm)	Tỷ Lệ Khung Hình	Tốc độ làm mới (Hz)	
UXGA	1600 x 1200	04:03	60	
WUXGA	1920 x 1200	16:10	60	
MAC 13"	640 x 480	04:03	67	
MAC 16"	832 x 624	04:03	75	
MAC 19"	1024 x 768	04:03	75	
MAC 21"	1152 x 870	04:03	75	
HDTV (1080p)	1920 x 1080	16:09	50 / 60	
HDTV (1080i)	1920 x 1080	16:09	50 / 60	
HDTV (720p)	1280 x 720	16:09	50 / 60	
SDTV (480p)	720 x 480	4:3 / 16:9	60	
SDTV (576p)	720 x 576	4:3 / 16:9	50	
SDTV (480i)	720 x 480	4:3 / 16:9	60	
SDTV (576i)	720 x 576	4:3 / 16:9	50	
4k/24P	3840 x 2160	16:09	24	
4k/25P	3840 x 2160	16:09	25	
4k/30P	3840 x 2160	16:09	30	
4k/50P	3840 x 2160	16:09	50	
4k/60P	3840 x 2160	16:09	60	

HDMI 3D				
Tín hiệu	Độ phân giải (chấm)	Tỷ Lệ Khung Hình	Tốc độ làm mới (Hz)	
	Theo chuẩn	Nén Khung Hình		
1080p	1920 x 1080	16:09	23,98/24	
720p	1280 x 720	16:09	50/59,94/60	
Theo chuẩn <b>Song song</b>				
1080i	1920 x 1080	16:09	50/59,94/60	
Theo chuẩn <b>Trên-Dưới</b>				
1080p	1920 x 1080	16:09	23,98/24	
720p	1280 x 720	16:09	50/59,94/60	

3D (bao gồm tín hiệu HDMI)					
Tín hiệu Độ phân giải (chấm) Tỷ Lệ Khung Hình Tốc độ làm mới (H					
Tín hiệu	Độ phân giải (chấm)	Tỷ Lệ Khung Hình	Tỷ Lệ Làm Mới (Hz)		
SVGA	800 x 600	04:03	60* / 120**		
XGA	1024 x 768	04:03	60* / 120**		

3D (bao gồm tín hiệu HDMI)				
Tín hiệu	Độ phân giải (chấm)	Tỷ Lệ Khung Hình	Tốc độ làm mới (Hz)	
HD	1280 x 720	16:09	60* / 120**	
WXGA	1280 x 800	16:09	60* / 120**	
HDTV (1080p)	1920 x 1080	16:09	60	
đối với Tín hiệu video				
SDTV (480i)***	720 x 480	4:3 / 16:9	60	
LƯU Ý: *Tín hiệu 60Hz được hỗ trợ cho chuẩn Song song, Trên-Dưới và Tuần Tự Khung Hình. **Tín hiệu 120 Hz chỉ được hỗ trợ cho chuẩn Tuần Tự Khung Hình. **Tín hiệu video (SDTV 480i) chỉ được hỗ trợ cho chuẩn Tuần Tự Khung Hình.				

# Xử lý sự cố

#### Các vấn đề phổ biến

Phần này mô tả một số vấn đề phổ biến mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy chiếu.

Vấn đề	Giải pháp khả thi
Máy chiếu không bật	<ul> <li>Đảm bảo dây nguồn được cắm đúng cách vào máy chiếu và ổ điện.</li> </ul>
	<ul> <li>Nếu quá trình làm mát chưa hoàn thành, vui lòng đợi cho đến khi kết thúc, sau đó thử bật lại máy chiếu.</li> </ul>
	<ul> <li>Nếu cách trên không hiệu quả, hãy thử một ổ điện khác hoặc một thiết bị điện khác trên cùng một ổ điện.</li> </ul>
Không có hình	<ul> <li>Đảm bảo cáp nguồn video được kết nối đúng cách và nguồn video được bật.</li> </ul>
	<ul> <li>Nếu nguồn đầu vào không được chọn tự động, hãy chọn đúng nguồn bằng phím Source trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.</li> </ul>
Ảnh bị mờ	<ul> <li>Điều chỉnh Vòng lấy nét sẽ giúp lấy nét chính xác ống kính chiếu.</li> </ul>
	<ul> <li>Đảm bảo máy chiếu và màn hình được căn chỉnh đúng cách. Nếu cần thiết, hãy điều chỉnh chiều cao của máy chiếu cũng như góc và hướng chiếu.</li> </ul>
Điều khiển từ xa không hoạt động	<ul> <li>Đảm bảo không có chướng ngại vật giữa điều khiển từ xa và máy chiếu; và chúng cách nhau trong khoảng 8 m (26 ft).</li> </ul>
	<ul> <li>Có thể do hết pin, vui lòng kiểm tra và thay thế nếu cần thiết.</li> </ul>
Hình ảnh bất thường	<ul> <li>Đảm bảo cáp nguồn video được kết nối đúng cách và nguồn video được bật.</li> </ul>
	<ul> <li>Nếu cách trên không có tác dụng, hãy kiểm tra đường hút hoặc khí thải không bị chặn.</li> </ul>

#### Đèn báo LED

Đèn	Trạng thái và mô tả
Da cam	Chế độ chờ
Nháy xanh lục	Đang bật
Xanh lá cây	Hoạt động bình thường
Đỏ	Đang tải về
Nháy màu cam	Tắt lưu ảnh
Nháy màu đỏ mỗi giây một lần	Lỗi quạt
Nháy màu đỏ 3 giây một lần	Lỗi nhiệt và nhiệt độ
Nháy màu đỏ & xanh lá cây luân phiên	Lỗi nguồn sáng

# Bảo trì

#### Phòng ngừa chung

- Đảm bảo rằng máy chiếu đã tắt và rút cáp nguồn khỏi ổ cắm điện.
- Không bao giờ được gỡ bỏ bất kỳ bộ phận nào khỏi máy chiếu. Liên hệ với ViewSonic<sup>®</sup> hoặc một đại lý khi cần thay thế bất kỳ bộ phận nào của máy chiếu.
- Không bao giờ được phun hoặc đổ bất kỳ chất lỏng nào trực tiếp lên vỏ máy.
- Thao tác với máy chiếu cẩn thận, vì máy chiếu tối màu, nếu bị trầy xước, các vết xước có thể được trông thấy rõ hơn so với máy chiếu sáng màu.

## Vệ sinh ống kính

- Sử dụng một bình khí nén để loại bỏ bụi.
- Nếu ống kính vẫn không sạch, hãy sử dụng giấy lau ống kính hoặc làm ẩm một miếng vải mềm bằng chất tẩy rửa ống kính và lau nhẹ bề mặt.

THẬN TRỌNG: Không bao giờ được chà xát ống kính bằng vật liệu mài mòn.

## Vệ sinh vỏ máy

- Sử dụng một miếng vải mềm khô, không có xơ, để loại bỏ bụi bẩn.
- Nếu vỏ máy vẫn không sạch, hãy bôi một lượng nhỏ chất tẩy rửa không chứa amoniac, không chứa cồn, không mài mòn nhẹ lên một miếng vải sạch, mềm, không có xơ, sau đó lau sạch bề mặt.

**THẬN TRỌNG:** Không bao giờ được sử dụng sáp, cồn, benzen, chất pha loãng hoặc các chất tẩy rửa hóa học khác.

## Bảo quản máy chiếu

Nếu bạn định bảo quản máy chiếu trong một khoảng thời gian dài:

- Đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm của khu vực bảo quản nằm trong phạm vi khuyến nghị.
- Thu gọn chân điều chỉnh hoàn toàn.
- Tháo pin khỏi điều khiển từ xa.
- Đóng gói máy chiếu trong bao bì gốc hoặc tương đương.

## Miễn trách nhiệm

- ViewSonic<sup>®</sup> không khuyến nghị sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa nào có chứa amoniac hoặc cồn lên ống kính hoặc vỏ máy. Một số chất tẩy rửa hóa học đã được báo cáo vì làm hỏng ống kính và / hoặc vỏ máy chiếu.
- ViewSonic<sup>®</sup> sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa nào có chứa amoniac hoặc cồn.

# Thông tin nguồn sáng

Phần này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về nguồn sáng của máy chiếu.

## Giờ nguồn sáng

Khi máy chiếu được sử dụng, số thời gian (tính bằng giờ) sử dụng nguồn sáng sẽ tự động được tính bằng bộ hẹn giờ tích hợp.

Để lấy thông tin giờ nguồn sáng:

- Nhấn Menu để mở Menu OSD và đi đến: Nâng cao > Cài Đặt Nguồn Sáng > Thông Tin Giờ Nguồn Sáng.
- 2. Nhấn Enter và trang Thông Tin Giờ Nguồn Sáng sẽ xuất hiện.
- **3.** Nhấn **Exit** để rời khỏi menu.

## Kéo dài tuổi thọ nguồn sáng

Để kéo dài tuổi thọ của nguồn sáng, bạn có thể điều chỉnh các cài đặt sau đây trong Menu OSD.

#### Cài đặt Chế Độ Nguồn Sáng

Cài đặt máy chiếu ở chế độ không phải là **Bình thường** sẽ giảm tiếng ồn hệ thống, mức tiêu thụ điện năng và kéo dài tuổi thọ hoạt động của nguồn sáng.

Chế Độ Nguồn Sáng	Mô tả
Bình thường	Cung cấp độ sáng nguồn sáng đầy đủ.
Eco	Giảm 20% mức tiêu thụ điện của nguồn sáng và giảm độ sáng và giảm tiếng ồn của quạt.
Đen Năng Động 1	Giảm mức tiêu thụ điện của nguồn sáng lên tới 70% tùy theo mức độ sáng của nội dung.
Đen Năng Động 2	Giảm mức tiêu thụ điện của nguồn sáng lên tới 50% tùy theo mức độ sáng của nội dung.
Tùy chỉnh	Cho phép bạn điều chỉnh điện nguồn sáng để kéo dài tuổi thọ nguồn sáng và giảm tiếng ồn của quạt.

Để đặt Chế Độ Nguồn sáng, mở Menu OSD và đi đến: **Nâng cao > Cài Đặt Nguồn Sáng > Chế Độ Nguồn Sáng** và nhấn ◀/▶ để chọn và nhấn **Enter**.

#### Cài đặt Tự động tắt nguồn

Điều này cho phép máy chiếu tự động tắt sau một khoảng thời gian đã định khi không phát hiện ra nguồn vào.

Mở Menu OSD và đi đến: QUẢN LÝ NGUỒN > Nlượng tminh > Tự Động Tắt Nguồn và nhấn ∢/ ▶ để tắt hoặc điều chỉnh thời gian.

# > Thông tin quy định và dịch vụ

# Thông tin tuân thủ

Phần này giải quyết mọi yêu cầu và tuyên bố liên quan đến các quy định. Những ứng dụng tương ứng đã xác nhận sẽ đề cập đến các nhãn trên biển hiệu và nhãn hiệu liên quan trên thiết bị.

## Tuyên bố tuân thủ FCC

Thiết bị này tuân thủ phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động của thiết bị phải tuân thủ hai điều kiện sau: (1) thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận mọi hiện tượng nhiễu sóng thu được, kể cả nhiễu sóng có thể gây ra hoạt động không mong muốn. Thiết bị này đã được thử nghiệm và chứng minh là tuân thủ các giới hạn về thiết bị số Loại B theo Phần 15 của Quy định FCC.

Các giới hạn này được thiết kế để giúp bảo vệ thích hợp đối với hiện tượng nhiễu sóng có hại trong hệ thống lắp đặt chung cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phân tán năng lượng tần số vô tuyến và nếu không được lắp đặt và sử dụng theo các hướng dẫn có thể gây ra nhiễu sóng có hại cho các phương tiện liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng việc nhiễu sóng sẽ không xảy ra trong hệ thống lắp đặt đặc biệt. Nếu thiết bị này gây nhiễu sóng có hại cho việc thu sóng vô tuyến hay truyền hình vốn có thể được xác định bằng cách bật và tắt thiết bị liên quan, người dùng nên cố gắng khắc phục hiện tượng nhiễu sóng qua một hoặc nhiều cách sau:

- Đổi hướng hoặc bố trí lại ăngten thu sóng.
- Tăng khả năng tách sóng giữa thiết bị và máy thu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm trên một mạch khác với ổ cắm máy thu.
- Hãy tham khảo ý kiến đại lý phân phối hoặc kỹ thuật viên vô tuyến/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

**Cảnh bảo:** Lưu ý rằng các thay đổi hoặc sửa đổi chưa được chấp nhận hoàn toàn bởi bên chịu trách nhiệm tuân thủ có thể vô hiệu hóa quyền của bạn để dùng thiết bị này.

# Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC

Thiết bị này tuân thủ theo giới hạn phơi nhiễm bức xạ FCC đặt ra cho một môi trường không kiểm soát. Người sử dụng cuối cùng phải tuân thủ các hướng dẫn sử dụng để đảm bảo phơi nhiễm RF theo quy định.

Không được lắp đặt máy phát này cùng một vị trí hoặc cùng với bất kỳ ăng-ten hoặc máy phát nào khác. Phải lắp đặt và sử dụng thiết bị này ở khoảng cách tối thiểu 20 cm giữa bộ tản nhiệt và cơ thể của bạn.

Cẩm nang người dùng hoặc cẩm nang hướng dẫn cho bộ tản nhiệt lắp có chủ định hoặc không có chủ định phải cảnh báo người dùng rằng nếu tùy tiện thay đổi hoặc hiệu chỉnh khi chưa được phê duyệt bởi bên liên quan sẽ làm cho người dùng bị mất quyền sử dụng.

## Tuyên bố về công nghiệp Canada

CAN ICES-003(B) / NMB-003(B)

## Nội Dung Cảnh Báo IC

Thiết bị này tuân thủ (các) tiêu chuẩn RSS miễn giấy phép của Bộ công nghiệp Canada. Hoạt động của thiết bị phải tuân thủ hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không gây nhiễu và (2) thiết bị này phải chấp nhận các hiện tượng nhiễu, bao gồm cả hiện tượng nhiễu mà có thể làm cho thiết bị hoạt động không đúng.

Le présent appareil est conforme aux CNR d'Industrie Canada applicables aux appareils radio exempts de licence. L'exploitation est autorisée aux deux conditions suivantes : (1) l'appareil ne doit pas produire de brouillage, et (2) l'utilisateur de l'appareil doit accepter tout brouillage radioélectrique subi, méme si le brouillage est susceptible d'en compromettre le fonctionnement.

## Nội Dung Quy Định cấp Quốc Gia

Đối với sản phẩm được bày bán trên thị trường Mỹ/Canada, chỉ có thể hoạt động được từ kênh 1 đến kênh 11. Không thể chọn được các kênh khác.

Pour les produits disponibles aux États-Unis/Canada du marché, seul le canal 1 à 11 peuvent être exploités. Sélection d'autres canaux n'est pas possible.

# Quy Định Phơi Nhiễm Phóng Xạ IC

Thiết bị này tuân thủ giới hạn phơi nhiễm phóng xạ IC RSS-102 được áp dụng cho các môi trường không có kiểm soát. Phải lắp đặt và sử dụng thiết bị này ở khoảng cách tối thiểu 20 cm giữa bộ tản nhiệt và cơ thể của bạn. Thiết bị cho dải tần 5150-5825 MHz chỉ được sử dụng trong nhà để tránh rủi ro gây nhiễu cho các hệ thống vệ tinh di động cùng kênh.

Cet équipement est conforme aux limites d'exposition aux rayonnements IC établies pour un environnement non contrôlê. Cet équipement doit être installé et utilize avec un minimum de 20cm de distance entre la source de rayonnement et votre corps. les dispositifs fonctionnant dans la bande 5150-5825 MHz sont réservés uniquement pour une utilisation à l'intérieur afin de réduire les risques de brouillage.

Hoạt động trong dải tần 5150-5250 MHz chỉ được sử dụng trong nhà để tránh rủi ro gây nhiễu có hại cho các hệ thống vệ tinh di động đồng kênh.

La bande 5 150-5 250 MHz est réservés uniquement pour une utilisation à l'intérieur afin de réduire les risques de brouillage pré judiciable aux systèmes de satellites mobiles utilisant les mêmes canaux.

#### Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu

Thiết bị tuân thủ Chỉ thị EMC 2014/30/EU và Chỉ thị điện áp thấp 2014/35/EU. Chỉ thị thiết kế sinh thái 2009/125/EC và Chỉ thị thiết bị vô tuyến 2014/53/EU.

Dải tần số: 2400-2483.5MHz, 5150-5250MHz Công suất đầu ra tối đa: dưới 20dBm

#### Thông tin sau đây chỉ áp dụng cho các quốc gia thành viên EU:

Dấu hiệu bên phải là tuân thủ Chỉ thị về Rác thải Điện và Điện tử số 2012/19/EU (WEEE). Dấu hiệu cho biết yêu cầu KHÔNG xử lý các thiết bị là rác thải đô thị chưa phân loại, nhưng sử dụng hệ thống thu hồi và thu gom theo luật địa phương.



## Tuyên bố tuân thủ RoHS2

Sản phẩm này đã được thiết kế và sản xuất theo Chỉ thị 2011/65/EU của Nghị viện châu Âu và Hội đồng về việc hạn chế sử dụng một số chất nguy hại trong thiết bị điện và điện tử (Chỉ thị RoHS2) và được xem là tuân thủ các giá trị về nồng độ tối đa do Ủy ban Điều chỉnh Kỹ thuật châu Âu (TAC) ban hành như sau:

Chất liệu	Nồng độ tối đa đề xuất	Nông độ thực tế
Chì (Pb)	0,1%	< 0,1%
Thủy ngân (Hg)	0,1%	< 0,1%
Catmi (Cd)	0,01%	< 0,01%
Crom hóa trị sáu (Cr6⁺)	0,1%	< 0,1%
Polybrominated biphenyl (PBB)	0,1%	< 0,1%
Ête diphenyl polybrominated (PBDE)	0,1%	< 0,1%
Bis (2-Ethylhexyl) phthalate (DEHP)	0,1%	< 0,1%
Benzyl butyl phthalate (BBP)	0,1%	< 0,1%
Dibutyl phthalate (DBP)	0,1%	< 0,1%
Diisobutyl phthalate (DIBP)	0,1%	< 0,1%

#### Một số thành phần của những sản phẩm nêu trên được miễn tuân thủ Phụ lục III của các Chỉ thị RoHS2 như ghi chú dưới đây. Ví dụ về các thành phần được miễn trừ gồm:

- Thủy ngân trong đèn huỳnh quang catôt lạnh và đèn huỳnh quang điện cực ngoài (CCFL và EEFL) cho các mục đích đặc biệt không vượt quá (trên mỗi đèn):
  - » Chiều dài thuộc loại ngắn (500 mm): tối đa 3,5 mg mỗi đèn.
  - » Chiều dài thuộc loại trung bình (> 500 mm và 1.500 mm): tối đa 5 mg mỗi đèn.
  - » Chiều dài thuộc loại dài (>1.500 mm): tối đa 13 mg mỗi đèn.
- Chì trong thủy tinh của đèn tia catôt.
- Chì trong kính của đèn huỳnh quang không quá 0,2% trọng lượng.
- Chì như một thành phần hợp kim trong nhôm chứa đến 0,4% trọng lượng chì.
- Hợp kim đồng có chứa đến 4% trọng lượng chì.
- Chì trong chất bán dẫn loại nhiệt độ nóng chảy cao (ví dụ như các hợp kim chì chứa từ 85% trọng lượng chì trở lên).
- Các thành phần điện và điện tử chứa chì trong kính hoặc gốm sứ khác so với gốm sứ cách điện trong các tụ điện, ví dụ như các thiết bị điện áp, hoặc trong hợp chất ma trận thủy tinh hoặc gốm sứ.

# Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ

Tuyên bố hạn chế chất thải nguy hại (Ấn Độ). Sản phẩm này tuân thủ "Quy định về rác thải điện tử Ấn Độ năm 2011" và cấm sử dụng chì, thủy ngân, crôm hóa trị sáu, polybromhenat biphenyl hoặc ête diphenyl polybromin với nồng độ vượt quá 0,1% trọng lượng và 0,01% trọng lượng catmi, ngoại trừ các khoản miễn trừ được quy định trong Phụ lục 2 của Quy định.

#### Thải bỏ sản phẩm khi kết thúc vòng đời sử dụng

ViewSonic<sup>®</sup> tôn trọng môi trường và cam kết làm việc và sống trong không gian xanh. Cảm ơn bạn đã trở thành hội viên của Sáng kiến Máy tính Thông minh hơn, Xanh hơn. Hãy truy cập trang web ViewSonic<sup>®</sup> để tìm hiểu thêm.

#### Mỹ & Canada:

https://www.viewsonic.com/us/company/green/go-green-with-viewsonic/#recycle-program

#### Châu Âu:

http://www.viewsoniceurope.com/eu/support/call-desk/

#### Đài Loan:

https://recycle.epa.gov.tw/

# Thông tin bản quyền

Bản quyền<sup>©</sup> Công ty ViewSonic<sup>®</sup>, 2022. Bảo lưu mọi bản quyền.

Macintosh và Power Macintosh là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Apple.

Microsoft, Windows và logo Windows là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Microsoft tại Mỹ và các quốc gia khác.

ViewSonic<sup>®</sup>, logo ba con chim, OnView, ViewMatch và ViewMeter là thương hiệu đã đăng ký của Công ty ViewSonic<sup>®</sup>.

VESA là thương hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association. DPMS, DisplayPort và DDC là thương hiệu của VESA.

ENERGY STAR<sup>®</sup> là thương hiệu đã đăng ký của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ (EPA).

Với tư cách là đối tác của ENERGY STAR<sup>®</sup>, Công ty ViewSonic<sup>®</sup> đã xác định rằng sản phẩm này đáp ứng các nguyên tắc của ENERGY STAR<sup>®</sup> về hiệu quả năng lượng.

**Miễn trừ trách nhiệm:** Công ty ViewSonic<sup>®</sup> sẽ không chịu trách nhiệm về các lỗi kỹ thuật hoặc biên tập hoặc những thiếu sót có trong sổ hướng dẫn sử dụng này; Công ty cũng sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả từ việc cung cấp vật liệu này, hoặc việc sử dụng hoặc hiệu suất của sản phẩm này.

Với mong muốn tiếp tục cải tiến sản phẩm, Công ty ViewSonic<sup>®</sup> có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của sản phẩm mà không cần thông báo. Thông tin trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần thông báo.

Không được phép sao chép, tái bản hoặc truyền tải bất cứ phần nào của tài liệu này dưới mọi hình thức, vì bất kỳ mục đích nào mà không có văn bản cho phép trước của Công ty ViewSonic<sup>®</sup>.

X1\_X2\_UG\_VIE\_1a\_20220331

## Dịch vụ khách hàng

Để được hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ sản phẩm, bạn có thể xem bảng dưới đây hoặc liên hệ với đại lý bán máy chiếu.

LƯU Ý: Bạn cần phải có số serial của sản phẩm.

Quốc gia/Khu vực	Website	Quốc gia/Khu vực	Website		
	Châu Á - Thái Bình Dương & Châu Phi				
Australia	www.viewsonic.com/au/	Bangladesh	www.viewsonic.com/bd/		
中国 (China)	www.viewsonic.com.cn	香港 (繁體中文)	www.viewsonic.com/hk/		
Hong Kong (English)	www.viewsonic.com/hk-en/	India	www.viewsonic.com/in/		
Indonesia	www.viewsonic.com/id/	Israel	www.viewsonic.com/il/		
日本 (Japan)	www.viewsonic.com/jp/	Korea	www.viewsonic.com/kr/		
Malaysia	www.viewsonic.com/my/	Middle East	www.viewsonic.com/me/		
Myanmar	www.viewsonic.com/mm/	Nepal	www.viewsonic.com/np/		
New Zealand	www.viewsonic.com/nz/	Pakistan	www.viewsonic.com/pk/		
Philippines	www.viewsonic.com/ph/	Singapore	www.viewsonic.com/sg/		
臺灣 (Taiwan)	www.viewsonic.com/tw/	ประเทศไทย	www.viewsonic.com/th/		
Việt Nam	www.viewsonic.com/vn/	South Africa & Mauritius	www.viewsonic.com/za/		
	Châu	Mỹ			
United States	www.viewsonic.com/us	Canada	www.viewsonic.com/us		
Latin America	www.viewsonic.com/la				
	Châu Âu				
Europe	www.viewsonic.com/eu/	France	www.viewsonic.com/fr/		
Deutschland	www.viewsonic.com/de/	Қазақстан	www.viewsonic.com/kz/		
Россия	www.viewsonic.com/ru/	España	www.viewsonic.com/es/		
Türkiye	www.viewsonic.com/tr/	Україна	www.viewsonic.com/ua/		
United Kingdom	www.viewsonic.com/uk/		<u>~</u>		

# Bảo hành hạn chế

Máy chiếu ViewSonic®

#### Nội dung bảo hành:

ViewSonic<sup>®</sup> bảo hành cho các sản phẩm của mình để không có các lỗi về vật liệu và kỹ thuật dưới điều kiện sử dụng bình thường trong thời hạn bảo hành. Nếu sản phẩm cho thấy có lỗi về vật liệu hay kỹ thuật trong thời hạn bảo hành, ViewSonic<sup>®</sup> sẽ tự sửa chữa hoặc thay thế bằng một sản phẩm tương tự. Sản phẩm hay phụ kiện thay thế có thể bao gồm các bộ phận hay linh kiện đã được tái sản xuất hoặc tân trang.

#### Bảo hành chung giới hạn ba (3) năm:

Theo chế độ bảo hành giới hạn hơn là một (1) năm được nêu dưới đây; cho khu vực Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành ba (3) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, ba (3) năm cho nhân lực và một (1) năm cho đèn gốc kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng.

Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý hoặc văn phòng ViewSonic<sup>®</sup> tại địa phương để biết thông tin về bảo hành.

#### Bảo hành sử dụng nhiều giới hạn một (1) năm:

Trong cài đặt sử dụng nhiều, trong đó việc sử dụng máy chiếu bao gồm hơn mười bốn (14) giờ sử dụng trung bình mỗi ngày; khu vực Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm cho nhân lực và chín mươi (90) ngày cho đèn gốc kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng; Châu Âu: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm cho nhân lực và chín mươi (90) ngày cho đèn gốc kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng. Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý hoặc văn phòng ViewSonic<sup>®</sup> tại địa phương để biết thông tin về bảo hành. Đèn được bảo hành theo các điều khoản và điều kiện, quy trình xác minh và phê duyệt. Chỉ áp dụng cho đèn được lắp đặt bởi nhà sản xuất. Tất cả các đèn phụ mua riêng từ nhà sản xuất sẽ được bảo hành trong 90 ngày.

#### Đối tượng hưởng chính sách bảo hành:

Chính sách bảo hành này chỉ có hiệu lực đối với người mua tiêu dùng đầu tiên.

#### Nội dung không được bảo hành gồm:

- **1.** Bất kỳ sản phẩm nào có số serial đã bị xóa, sửa đổi hoặc gỡ bỏ.
- 2. Thiệt hại, hỏng hóc hoặc trục trặc do:

- » Tai nạn, sử dụng sai, lơ đễnh, hỏa hoạn, nước, sấm chớp hoặc các hiện tượng tự nhiên khác, sửa đổi sản phẩm trái phép hoặc không thực hiện theo các hướng dẫn kèm theo sản phẩm.
- » Hoạt động không tuân thủ các thông số kỹ thuật sản phẩm.
- » Hoạt động của sản phẩm khác với mục đích sử dụng thông thường hoặc không tuân thủ các điều kiện bình thường.
- » Sửa chữa hoặc cố sửa chữa bởi những người không được ViewSonic<sup>®</sup> ủy quyền.
- » Mọi hư hỏng đối với sản phẩm do vận chuyển.
- » Tháo hoặc lắp đặt sản phẩm.
- » Các nguyên nhân bên ngoài sản phẩm, chẳng hạn như dao động điện hoặc sự cố nguồn điện.
- » Sử dụng các phụ kiện cung cấp hoặc bộ phận không đáp ứng các thông số kỹ thuật của ViewSonic<sup>®</sup>.
- » Hao hòn thông thường.
- » Bất cứ nguyên nhân nào khác không liên quan đến lỗi sản phẩm.
- 3. Phí dịch vụ tháo rời, lắp đặt và thiết lập.

#### Cách nhận dịch vụ bảo hành:

- 1. Để biết thông tin về cách nhận dịch vụ thuộc chính sách bảo hành, hãy liên hệ với Trung tâm hỗ trợ khách hàng của ViewSonic<sup>®</sup> (Vui lòng tham khảo trang "Hỗ trợ khách hàng"). Bạn cần phải cung cấp số serial của sản phẩm đã mua.
- 2. Để nhận được dịch vụ bảo hành, bạn sẽ được yêu cầu cung cấp: (a) biên nhận gốc ghi ngày mua hàng, (b) tên bạn, (c) địa chỉ nhà, (d) bản mô tả về sự cố và (e) số serial của sản phẩm.
- 3. Mang hoặc vận chuyển hàng hóa trả cước trước theo thùng chứa gốc tới Trung tâm bảo hành ủy quyền của ViewSonic<sup>®</sup> hoặc tới ViewSonic<sup>®</sup>.
- 4. Để biết thêm thông tin về tên của Trung tâm bảo hành ViewSonic<sup>®</sup> gần nhất, hãy liên hệ ViewSonic<sup>®</sup>.

#### Giới hạn dịch vụ bảo hành gián tiếp:

Không có các dịch vụ bảo hành, dù trực tiếp hay gián tiếp, nằm ngoài phạm vi bản mô tả sản phẩm gồm dịch vụ bảo hành gián tiếp về khả năng được sản phẩm và sự phù hợp của sản phẩm vào một mục đích đặc biệt.

#### Loại trừ các thiệt hại:

Trách nhiệm pháp lý của ViewSonic<sup>®</sup> được giới hạn ở chí phí sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm. ViewSonic<sup>®</sup> sẽ không chịu trách nhiệm về:

- 1. Thiệt hại đối với tài sản khác do bất kỳ lỗi nào về sản phẩm, những thiệt hại do sự bất tiện gây ra, thiệt hại từ việc sử dụng sản phẩm, mất thời gian, thất thu, mất cơ hội kinh doanh, mất tín nhiệm đối với khách hàng, gián đoạn các mối quan hệ kinh doanh hoặc thất thu thương mại khác, dù đã được thông báo về khả năng xảy ra những thiệt hại này.
- 2. Mọi thiệt hại khác, dù là ngẫu nhiên, do hậu quả hay các nguyên nhân khác.
- **3.** Mọi khiếu kiện chống lại khách hàng từ bất kỳ bên nào khác.

#### Hiệu lực của luật tiểu bang:

Chính sách bảo hành này cung cấp cho bạn các quyền hợp pháp cụ thể, và bạn cũng có thể hưởng các quyền khác tùy theo từng nhà chức trách địa phương. Một số chính quyền địa phương không cho phép hạn chế về các chính sách bảo hành ngụ ý và/hoặc không cho phép loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả, vì vậy những hạn chế và loại trừ ở trên có thể không áp dụng cho bạn.

#### Bán hàng bên ngoài Mỹ và Canada:

Về thông tin và dịch vụ bảo hành đối với các sản phẩm ViewSonic<sup>®</sup> được bán ngoài nước Mỹ và Canada, hãy liên hệ ViewSonic<sup>®</sup> hoặc đại lý ViewSonic<sup>®</sup> tại địa phương của bạn.

Thời hạn bảo hành cho sản phẩm này ở Trung Hoa Đại lục (trừ Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan) phải tuân theo các điều khoản và điều kiện của Thẻ bảo hành.

Đối với người dùng ở châu Âu và Nga, bạn có thể tìm thấy đầy đủ các chi tiết về chính sách bảo hành tại: http://www.viewsonic.com/eu/ trong "Thông tin hỗ trợ/ bảo hành".

